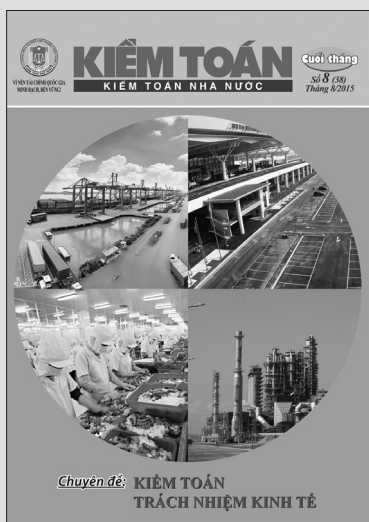




TỔNG BIÊN TẬP

Nguyễn Thắng

ĐT: (04) 62820719

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Đỗ Hồng Công

TRỤ SỞ

68 Trần Thái Tông - Cầu Giấy - Hà Nội

Email: kiemtoancuoithang@sav.gov.vn

ĐT: (04) 62820721 - Fax: (04) 62820708

TÀI KHOẢN

Báo Kiểm toán 2601 0000 056239

NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Chi nhánh Tây Hà Nội

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BẢO CHỈ IN

Số 806/GP-BTTTT ngày 14/5/2012

của Bộ Thông tin và Truyền thông

IN TẠI

Công ty CP In KHCN mới

Giá: 15.000đ



KIỂM TOÁN cuối tháng

Số 38 - Tháng 8/2015

MỤC LỤC

TRÒ CHUYỆN CUỐI THÁNG

Võ Thành Hưng	Đổi mới để nâng cao chất lượng dịch vụ và khả năng cạnh tranh của các đơn vị sự nghiệp công lập	2
----------------------	---	----------

VẤN ĐỀ HÔM NAY

Lê Huy Trọng	Luật Kiểm toán nhà nước (sửa đổi)- Những sửa đổi và bổ sung mới	5
Xuân Hồng	"Sân chơi" TPP: Việt Nam kiên cường chấp nhận hội nhập với không ít rủi ro phía trước	10
Nguyễn Minh Phong	Xu hướng thị trường vàng những tháng cuối năm 2015	13
Nguyễn Văn Thanh	Nút thắt phát triển nhà ở xã hội	15
Thùy Lê	Từ sản xuất đến siêu thị - đường dài nhiều điểm nghẽn	18

CHUYÊN ĐỀ: KIỂM TOÁN TRÁCH NHIỆM KINH TẾ

Sun Xiaoyan	Kiểm toán trách nhiệm kinh tế Trung Quốc - cơ chế, hiện trạng và kinh nghiệm	22
Liu Xiaoli	Kiểm toán trách nhiệm kinh tế của người phụ trách chủ chốt trong các doanh nghiệp nhà nước và lãnh đạo Chính phủ	25
Phí Ngọc Tuyền	Đánh giá trách nhiệm kinh tế của cán bộ lãnh đạo từ góc nhìn của Thanh tra Chính phủ	27
Nguyễn Thu Giang	Nâng cao vai trò của KTNN trong kiểm toán đánh giá trách nhiệm kinh tế của lãnh đạo doanh nghiệp nhà nước	29

TRAO ĐỔI

Vũ Thanh Hải	Hoàn thiện phương thức tổ chức kiểm toán nợ công	32
---------------------	--	-----------

QUA KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

Bắc Sơn	Kết quả kiểm toán thu ngân sách nhà nước năm 2013: Thất thu thuế - Trách nhiệm giải trình?	35
----------------	--	-----------

HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ

Thanh Xuyên	Kenya: Tham nhũng khiến ngân sách thất thoát 16 tỷ USD	38
--------------------	--	-----------

VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

* * *	Trang thơ	40
-------	-----------	-----------

Đổi mới để nâng cao chất lượng dịch vụ và khả năng cạnh tranh của các đơn vị sự nghiệp công lập

Với mục tiêu nâng cao hiệu quả trong việc thực hiện cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Nghị định mới có hiệu lực thi hành từ ngày 06/4/2015 và thay thế Nghị định số 43/2006/NĐ-CP trước đây. Phóng viên Đặc san Kiểm toán đã có cuộc trao đổi với ông **Võ Thành Hưng**, Vụ trưởng Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp - Bộ Tài chính, để làm rõ hơn một số vấn đề liên quan trong quá trình Nghị định được triển khai.

Thưa ông, với tư cách của một người chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015, ông có thể cho biết lý do căn bản nhất dẫn đến việc ra đời Nghị định này?

Qua 7 năm thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, chúng ta đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, theo chúng tôi, Nghị định 43 vẫn còn nhiều điểm hạn chế, một trong những điểm đó là chưa triển khai vấn đề giá, phí dịch vụ công. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn và quá trình đánh giá, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 16/2015/NĐ-CP. Quan điểm xây dựng nghị định này là đổi mới các đơn vị sự nghiệp công, trao quyền tự chủ cho các đơn vị cả về tổ chức thực hiện nhiệm vụ, bộ máy, nhân sự,



tài chính và hướng tới khả năng tự chủ cao. Kết quả đổi mới hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập phải hướng tới dịch vụ sự nghiệp công tốt hơn cho các tầng lớp nhân dân, đảm bảo cho các đối tượng chính sách, người nghèo tiếp cận được các dịch vụ cơ bản, thiết yếu. Mục tiêu của chúng tôi là hướng tới lộ trình xóa bỏ bao cấp giá, phí, dịch vụ công, đồng thời Nhà nước tiếp tục hỗ trợ chính sách cho các đối tượng nghèo.

Nội dung căn bản nhất của Nghị định 16 là vấn đề giá, phí. Trên thực tế, giá, phí thực hiện theo quy định của Nhà nước như thời gian qua là chưa đảm bảo bù chi. Chúng tôi hy vọng rằng, việc đẩy mạnh thay đổi quy định giá, phí lần này sẽ không chỉ thay đổi khả năng cạnh tranh của các đơn vị sự nghiệp công nói chung mà còn cạnh tranh được với các đơn vị sự nghiệp dân lập, trên cơ sở đó tăng thêm nguồn lực đầu tư, chia sẻ gánh nặng với ngân sách nhà nước.

Ví dụ, khi trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh được phép tăng học phí lên khoảng 16-17 triệu đồng thì cũng có nghĩa là trường này đã có thêm điều kiện để cạnh tranh với các trường khác. Trường RMIT của Úc đang thu học phí khoảng 180-200 triệu/năm/học sinh, Khoa Quốc tế của các trường có giáo viên nước ngoài và cấp bằng nước ngoài đang thu học phí khoảng 60 triệu/học

sinh/năm. Trong bối cảnh này, nếu trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh nâng cao được chất lượng đào tạo và thương hiệu thì sẽ thu hút được sinh viên bởi mức học phí thấp hơn rất nhiều so với các trường kia.

Có một quyền tự chủ rất được quan tâm ở đây là tự chủ tài chính, xin ông nói rõ hơn về những điểm mới của nội dung này trong Nghị định vừa được triển khai?

Về tự chủ tài chính, có một số điểm mới đáng lưu ý:

Thứ nhất, trong tự chủ thu có loại dịch vụ Nhà nước quy định giá và loại dịch vụ không sử dụng ngân sách nhà nước mà do đơn vị tự quy định giá, phí đảm bảo mức bù kinh phí và lãi hợp lý. Với loại Nhà nước bù giá, Nghị định 16 quy định hướng tới mức giá phù hợp đủ bù chi và thực hiện theo các mốc. Cụ thể như sau: năm 2016, tính đúng, tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp nhưng chưa tính đến chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định; đến năm 2018, tính đúng, tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý nhưng chưa tính chi phí khấu hao tài sản cố định; đến năm 2020, tính tất cả phí, bao gồm cả chi phí khấu hao tài sản cố định.

Nghị định 16 có điểm mở là đến năm 2020 mới phải tính đủ tất cả chi phí; tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, các đơn vị có đủ điều kiện vẫn có thể tiến hành trước lộ trình này. Vừa qua, căn cứ vào Nghị định 16 và Nghị quyết 77 NQ- CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ về đổi mới giáo dục đại học, đã có 5

trường đại học đảm bảo toàn bộ chi đầu tư, chi thường xuyên và lộ trình giá, phí được Thủ tướng Chính phủ thông qua. Theo quy định của Chính phủ tại Nghị định 43, mức học phí của các trường đại học không quá 6 triệu đồng/năm/học sinh, còn theo mức phê duyệt mới, học phí của 5 trường này là khoảng 13-14 triệu đồng/học sinh/năm.

Thứ hai, Nghị định mới cho phép các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư được vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp. Quy định này hướng tới các đơn vị sự nghiệp hoạt động y tế, giáo dục khi đáp ứng đủ điều kiện tự chủ chi đầu tư, chi thường xuyên. Trong trường hợp cần thiết, các đơn vị này cũng có thể cổ phần hóa như doanh nghiệp nhà nước.

Thứ ba, nguồn thu của các đơn vị sự nghiệp trước đây phải gửi vào Kho bạc Nhà nước, nhưng với Nghị định 16, các đơn vị có thể gửi vào Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại. Lãi thu được phải sử dụng vào các quỹ phát triển sự nghiệp hoặc các quỹ khác như: Quỹ Học bổng, Quỹ Hỗ trợ học sinh, sinh viên của trường và không sử dụng cho Quỹ Bổ sung sự nghiệp. Đây là điểm mới vừa để cho các đơn vị này chủ động chi tiêu, đồng thời vừa đảm bảo cho nguồn thu được sử dụng hiệu quả, chặt chẽ, giúp đỡ cho các đối tượng khó khăn.

Thứ tư, đổi mới phương thức đầu tư ngân sách nhà nước, chuyển từ hỗ trợ trực tiếp một cách vô điều kiện sang hình thức chi trả trực tiếp cho các đối tượng chính sách hoặc tăng cường đấu thầu, đặt hàng, giao

nhiệm vụ gắn với kết quả số lượng, chất lượng dịch vụ cung cấp. Đây cũng là cách để đảm bảo nguồn lực ngân sách trong điều kiện có hạn, và ngân sách sẽ được sử dụng hiệu quả hơn, gắn với kết quả các đơn vị cung cấp, hướng tới thúc đẩy cạnh tranh. Trong vấn đề đấu thầu, không chỉ có các đơn vị sự nghiệp công mà các đơn vị sự nghiệp dân lập cũng được quyền tham gia. Đây chính là hình thức thúc đẩy cạnh tranh và nâng cao chất lượng, giá cả dịch vụ.

Như vậy, người dân sẽ được hưởng lợi gì từ việc đổi mới dịch vụ tại các đơn vị sự nghiệp công, thưa ông?

Mục tiêu đổi mới khu vực dịch vụ công là nhằm hướng tới việc nâng cao chất lượng và số lượng dịch vụ công. Đây là vấn đề có tính then chốt. Khi bàn về các điểm nghẽn trong tăng trưởng kinh tế Việt Nam, bên cạnh vấn đề về cơ sở hạ tầng còn có điểm nghẽn về chất lượng nguồn nhân lực. Muốn xử lý vấn đề này, không còn cách nào khác là phải nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa. Chúng ta thấy rằng, các ngành này trong những năm qua cũng đã rất nỗ lực để đổi mới. Việc đổi mới lần này là nhằm thúc đẩy tính cạnh tranh, từ đó góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ công, đòi hỏi các đơn vị sự nghiệp công phải cải cách thủ tục hành chính, giảm thiểu phiền hà cho người dân. Việc cho phép các đơn vị sự nghiệp công đổi mới, điều chỉnh giá, phí dịch vụ cũng đồng nghĩa với việc các đơn vị này phải cạnh tranh và phải phục vụ tốt hơn. Người dân phải được xem



là khách hàng. Chẳng hạn, Trường Đại học Tài chính Marketing là một trong 5 trường được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tự chủ chi đầu tư và chi thường xuyên. Thời gian qua, trường đã phải tổ chức quảng cáo, tuyên truyền tại các tỉnh thành trên cả nước. Đây là điểm mới so với các trường khác trong việc chủ động tiếp cận các đối tượng học sinh, sinh viên.

Theo Nghị định 16, việc nâng cao chất lượng dịch vụ công được gắn với ba cơ chế. Một là, quy định các bộ, ban, ngành phải xây dựng được bộ tiêu chuẩn, tiêu chí về chất lượng, đồng thời phải kiểm tra giám sát để đảm bảo việc quản lý phí, giá; Hai là, bản thân cơ chế cạnh tranh giữa các đơn vị sự nghiệp cũng tạo ra yêu cầu các đơn vị phải duy trì và nâng cao chất lượng; Ba là, việc giám sát của người dân. Lúc này, người dân có quyền lựa chọn đơn vị có chất lượng tốt với giá cả hợp lý nhất.

Tinh thần chung là vậy, nhưng một khi giá, phí thay đổi theo chiều hướng tăng lên thì rõ ràng khả năng tiếp cận dịch

vụ của người dân sẽ bị hạn chế. Ông có thể cho biết, Nghị định mới sẽ xử lý như thế nào với khả năng này?

Theo Nghị định 16, các đơn vị sự nghiệp công lập cũng phải dành một phần nguồn thu để thiết lập quỹ hỗ trợ người nghèo, chính sách.

Đối với các dịch vụ công cơ bản, Nhà nước sẽ đảm bảo cho mọi người dân được sử dụng dịch vụ. Riêng với những thành phần không có khả năng chi trả như người nghèo, đối tượng chính sách, Nhà nước sẽ bảo đảm hỗ trợ trực tiếp. Chẳng hạn, mua thẻ bảo hiểm, hỗ trợ, miễn giảm học phí toàn bộ hoặc một phần...

Như ông vừa chia sẻ, một trong những mục tiêu của đổi mới đơn vị sự nghiệp là hướng tới hiệu quả và sức cạnh tranh trong công tác phục vụ. Tuy nhiên, liệu sự cạnh tranh này có thể diễn ra công bằng không, khi mà nhiều đơn vị công lập đang được thụ hưởng những cơ sở vật chất có giá trị do Nhà nước đầu tư từ đầu, còn các đơn vị tư nhân thì phải tự lực toàn bộ?

Việc các cơ sở công lập được đầu tư cơ sở, máy móc, đất đai thì cạnh tranh không sòng phẳng với các đơn vị sự nghiệp dân lập là thực tế. Tuy nhiên, chúng ta cho phép các đơn vị sự nghiệp công lập điều chỉnh giá, phí theo lộ trình. Ví dụ, trong khi giá viện phí của Bệnh viện Vinmec phải trả khoảng 2 triệu/người/giường bệnh/ngày thì Khoa Tự nguyện của Bệnh viện Việt Đức có mức viện phí cao nhất chỉ khoảng từ 1 triệu -1,5 triệu/người/giường bệnh/ngày. Như vậy, cho dù có tiến hành điều chỉnh giá, phí tại các cơ sở công lập nói chung thì đối với các dịch vụ quan trọng như giáo dục, y tế, chúng ta vẫn phải có khống chế, quy định mức giá trần...

Ở đây, có một vấn đề đặt ra. Đó là, tại sao các cơ sở tư nhân phải đầu tư toàn bộ đất đai, cơ sở, nhân lực, thuế... mà vẫn có lãi, trong khi đó các đơn vị công lập dù đã được Nhà nước đầu tư toàn bộ nhưng vẫn không có lãi và không thể cạnh tranh? Chính vì điều đó, Nghị định 16 đã hướng tới việc khuyến khích sự cạnh tranh này. Nếu các đơn vị sự nghiệp công lập không cạnh tranh được thì phải đóng cửa. Chúng tôi rất mong muốn tái cấu trúc các đơn vị sự nghiệp công, để qua quá trình này, những đơn vị nào có đủ sức mạnh sẽ cạnh tranh công bằng. Tất nhiên, đối với những đơn vị sự nghiệp công như trường mầm non thì Nhà nước vẫn hỗ trợ toàn phần. Nếu các đơn vị này có thể vươn lên thì họ cũng sẽ phải cạnh tranh công bằng như các đơn vị sự nghiệp khác.

Xin trân trọng cảm ơn ông!■

HIỀN LY (thực hiện)



Luật Kiểm toán nhà nước (sửa đổi)- Những sửa đổi và bổ sung mới



PGS.TS LÊ HUY TRỌNG

Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Kiểm toán Nhà nước

Ngày 24 tháng 6 năm 2015, tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII đã thông qua Luật Kiểm toán nhà nước, Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Luật đã được Chủ tịch nước ký Lệnh số 09/2015/L-CTN về việc công bố Luật ngày 08 tháng 7 năm 2015. Luật Kiểm toán nhà nước 2015 gồm 9 chương, 73 điều (so với Luật 2005, tăng 1 chương, giảm 3 điều, trong đó: bổ sung 11 điều và bỏ 14 điều).

Cụ thể như sau:

Chương I: Những quy định chung, gồm 8 điều (từ Điều 1 đến Điều 8). Chương này quy định về phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; đối tượng kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước (KTNN); nguyên tắc hoạt động kiểm toán của KTNN; chuẩn mực KTNN; giá trị pháp lý của báo cáo kiểm toán và các hành vi bị nghiêm cấm.

Chương II: Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của KTNN, gồm 03 mục với 11 điều (từ Điều 9 đến Điều 19). Chương này quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của KTNN; nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Kiểm toán Nhà nước; về hệ thống tổ chức của KTNN và Hội đồng KTNN.

Chương III: Kiểm toán viên nhà nước và cộng tác viên KTNN, gồm 10 điều (từ Điều 20 đến Điều 29). Chương này quy định cụ thể về các ngạch Kiểm toán viên nhà nước, tiêu chuẩn

bổ nhiệm, miễn nhiệm các ngạch Kiểm toán viên nhà nước; quy định trách nhiệm kiểm toán viên, các trường hợp không bố trí làm thành viên đoàn kiểm toán; về quản lý, sử dụng thẻ Kiểm toán viên nhà nước; quy định về cộng tác viên Kiểm toán Nhà nước.

Chương IV: Hoạt động kiểm toán, gồm 06 mục với 25 điều (từ Điều 30 đến Điều 54). Chương này quy định cụ thể về thẩm quyền quyết định kiểm toán, thành phần Đoàn kiểm toán và nhiệm vụ quyền hạn cụ thể của thành viên Đoàn kiểm toán; quy trình kiểm toán; công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán; hồ sơ kiểm toán.

Chương V: Quyền, nghĩa vụ đơn vị được kiểm toán, gồm 4 điều (từ Điều 55 đến Điều 58); Chương này quy định về đơn vị được kiểm toán; quyền và nghĩa vụ của đơn vị được kiểm toán; quy định về trách nhiệm gửi báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán

ngân sách, dự toán kinh phí của các đơn vị được kiểm toán.

Chương VI: Đảm bảo hoạt động của KTNN, gồm 4 điều (từ Điều 59 đến Điều 62). Chương này quy định về kinh phí, biên chế và chế độ đối với cán bộ, công chức của KTNN.

Chương VII: Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với hoạt động kiểm toán nhà nước, gồm 6 điều (từ Điều 63 đến Điều 68). Chương này quy định về Quốc hội với KTNN, Chính phủ với KTNN; trách nhiệm của cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm toán nhà nước.

Chương VIII: Khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong hoạt động kiểm toán nhà nước, gồm 3 điều (từ Điều 69 đến Điều 71). Chương này quy định về khiếu nại và giải quyết khiếu nại trong hoạt động kiểm toán nhà nước; tổ

cáo và giải quyết tố cáo về hoạt động kiểm toán nhà nước; xử lý vi phạm pháp luật về KTNN.

Chương IX: Điều khoản thi hành, gồm 02 điều (Điều 72 và Điều 73). Chương này quy định về hiệu lực thi hành của Luật KTNN, giao trách nhiệm cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội và KTNN quy định chi tiết thi hành đối với những nội dung được giao trong Luật.

Luật Kiểm toán nhà nước năm 2015 tập trung sửa đổi, bổ sung những vấn đề lớn sau:

1. Phạm vi, đối tượng kiểm toán

Cụ thể hóa nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Hiến pháp 2013, Luật quy định: *Đối tượng kiểm toán của Kiểm toán nhà nước là việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và các hoạt động có liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công của đơn vị được kiểm toán (Điều 4)*. Theo quy định tại Điều 53 và 55 của Hiến pháp 2013, trong điều kiện chưa có luật nào quy định một cách toàn diện về tài chính công, tài sản công, Luật quy định cụ thể về 02 thuật ngữ này tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3, cụ thể:

Tài chính công bao gồm: ngân sách nhà nước; dự trữ quốc gia; các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; tài chính của các cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị cung cấp dịch vụ, hàng hóa công, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có sử dụng kinh phí, ngân quỹ nhà nước;

phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp; các khoản nợ công.

Tài sản công bao gồm: đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản; nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời; tài nguyên thiên nhiên khác; tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; tài sản công được giao cho các doanh nghiệp quản lý và sử dụng; tài sản dự trữ nhà nước; tài sản thuộc kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích công cộng và các tài sản khác do Nhà nước đầu tư, quản lý thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý.

2. Giá trị pháp lý của báo cáo kiểm toán

Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước là văn bản do Kiểm toán Nhà nước lập và công bố sau mỗi cuộc kiểm toán để đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị về những nội dung đã kiểm toán. Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước do Tổng Kiểm toán Nhà nước hoặc người được Tổng Kiểm toán Nhà nước ủy quyền ký tên, đóng dấu.

Việc quy định giá trị pháp lý của báo cáo kiểm toán có ý nghĩa quan trọng đối với đơn vị được kiểm toán cũng như các cơ quan, tổ chức sử dụng trong hoạt động của mình. Vì vậy, Luật quy định: Báo cáo kiểm toán của KTNN sau khi phát hành và công khai có giá trị bắt buộc phải thực hiện đối với đơn vị được kiểm toán về sai phạm trong việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công. Đồng thời quy định báo cáo kiểm

toán của KTNN là căn cứ để Quốc hội; Chính phủ, cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức, cơ quan khác của Nhà nước sử dụng trong công tác quản lý, điều hành và thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của mình; Hội đồng nhân dân sử dụng trong quá trình xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương; giám sát việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của mình; và là căn cứ để đơn vị được kiểm toán thực hiện quyền khiếu nại (Điều 7).

Để tương thích với quy định tại Điều 7, một số nội dung liên quan trong Luật được sửa đổi cho phù hợp như: thay quyền “*kiến nghị*” của đơn vị được kiểm toán về đánh giá, xác nhận và kiến nghị kiểm toán trong báo cáo kiểm toán thành: *Khiếu nại về đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị kiểm toán trong báo cáo kiểm toán khi có căn cứ cho rằng đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị đó là trái pháp luật*; trách nhiệm của Tổng Kiểm toán Nhà nước về giải quyết “*kiến nghị*” của đơn vị được kiểm toán thành trách nhiệm giải quyết “*khiếu nại*”; quy định về khiếu nại và trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại trong hoạt động kiểm toán nhà nước.

3. Nhiệm vụ của Kiểm toán Nhà nước

Trên cơ sở kế thừa quy định của Luật Kiểm toán nhà nước năm 2005 về các nhiệm vụ của KTNN như: Quyết định và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm toán hàng năm; Tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm toán hằng năm và thực hiện nhiệm vụ kiểm



toán theo yêu cầu của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; xem xét, quyết định việc kiểm toán khi có đề nghị của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cơ quan, tổ chức không có trong kế hoạch kiểm toán năm của Kiểm toán Nhà nước.

Đề phù hợp với quy định của Hiến pháp và yêu cầu thực tế, Luật quy định bổ sung một số nhiệm vụ của KTNH: Giải trình về kết quả kiểm toán với Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội theo quy định của pháp luật; tổ chức theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị của KTNH; tổ chức thông tin, tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật về KTNH; trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành chiến lược phát triển KTNH.

4. Tổng Kiểm toán Nhà nước

Chế định Tổng Kiểm toán Nhà nước được sửa đổi cho phù hợp với quy định của Hiến pháp; sửa đổi quy định về nhiệm kỳ của Tổng Kiểm toán Nhà nước, cụ thể: Tổng Kiểm toán Nhà nước là người đứng đầu Kiểm toán Nhà nước, chịu trách nhiệm trước Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tổ chức và hoạt động của Kiểm toán Nhà nước; Tổng Kiểm toán Nhà nước do Quốc hội bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm theo đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nhiệm kỳ của Tổng Kiểm toán Nhà nước là 05 năm theo nhiệm kỳ của Quốc hội. Tổng Kiểm toán Nhà nước có thể được bầu lại nhưng không quá hai nhiệm kỳ

liên tục (Điều 12).

Bên cạnh đó, Luật Kiểm toán nhà nước quy định bổ sung một số quyền và nhiệm vụ của Tổng Kiểm toán Nhà nước đã được quy định trong Hiến pháp và các luật liên quan như: quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước; thay thế quy định trách nhiệm giải quyết kiến nghị về báo cáo kiểm toán bằng quy định giải quyết khiếu nại trong hoạt động kiểm toán nhà nước.

5. Kiểm toán trưởng, Phó Kiểm toán trưởng

Trên cơ sở kế thừa Luật Kiểm toán nhà nước năm 2005, Luật đã quy định chi tiết hơn về Kiểm toán trưởng, Phó Kiểm toán trưởng, trong đó bổ sung tiêu chuẩn đối với Kiểm toán trưởng và Phó Kiểm toán trưởng phải từ kiểm toán viên chính trở lên đồng thời quy định rõ Tổng Kiểm toán Nhà nước là người bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm toán trưởng, Phó Kiểm toán trưởng (Điều 17).

6. Kiểm toán viên nhà nước

- Về các ngạch Kiểm toán viên nhà nước, thẩm quyền bổ nhiệm miễn nhiệm các ngạch kiểm toán viên (Điều 20)

Luật quy định về các ngạch Kiểm toán viên nhà nước, gồm: a) Kiểm toán viên; b) Kiểm toán viên chính; c) Kiểm toán viên cao cấp. So với Luật Kiểm toán nhà nước 2005, không có ngạch Kiểm toán viên dự bị; đồng thời quy định: Tổng Kiểm toán Nhà

nước quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm các ngạch Kiểm toán viên nhà nước, đây là điểm mới trong quy định về thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm Kiểm toán viên nhà nước. Trong Luật Kiểm toán nhà nước 2005, Tổng Kiểm toán Nhà nước bổ nhiệm, miễn nhiệm Kiểm toán viên, Kiểm toán viên chính; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Kiểm toán viên cao cấp do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định theo quy định của pháp luật.

- Về tiêu chuẩn bổ nhiệm các ngạch Kiểm toán viên nhà nước, trường hợp miễn nhiệm các ngạch Kiểm toán viên nhà nước

Kế thừa Luật Kiểm toán nhà nước 2005, để đảm bảo chất lượng các ngạch Kiểm toán viên nhà nước, đáp ứng yêu cầu đạo đức nghề nghiệp và chuyên môn nghiệp vụ, Luật quy định tiêu chuẩn chung đối với Kiểm toán viên nhà nước như: Có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, khách quan; Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kiểm toán, kế toán, tài chính, ngân hàng, kinh tế, luật hoặc chuyên ngành khác có liên quan trực tiếp đến hoạt động kiểm toán; Đã có thời gian làm việc liên tục từ 05 năm trở lên theo chuyên ngành được đào tạo hoặc có thời gian làm nghiệp vụ kiểm toán ở Kiểm toán Nhà nước từ 03 năm trở lên, không kể thời gian tập sự; Có chứng chỉ Kiểm toán viên nhà nước (Điều 21).

Bên cạnh đó Luật bổ sung tiêu chuẩn bổ nhiệm vào các ngạch Kiểm toán viên nhà nước tại các Điều 23, 24, 25. Cụ thể: Điều 23. Tiêu chuẩn bổ nhiệm vào ngạch Kiểm toán viên: Đáp

ứng các tiêu chuẩn chung của Kiểm toán viên nhà nước quy định tại Điều 21 của Luật này; Nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật về kiểm toán nhà nước; có kiến thức về quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội; Nắm được quy trình nghiệp vụ, chuẩn mực kiểm toán nhà nước; Đã đỗ kỳ thi ngạch Kiểm toán viên. *Điều 24. Tiêu chuẩn bổ nhiệm vào ngạch Kiểm toán viên chính:*

Nắm vững và áp dụng thành thạo quy định của pháp luật về kiểm toán nhà nước; Có năng lực đề xuất, tham mưu xây dựng chiến lược phát triển ngành, kế hoạch kiểm toán dài hạn, trung hạn và khả năng về tổng kết, nghiên cứu lý luận chuyên môn, nghiệp vụ kiểm toán; có khả năng xây dựng chuẩn mực kiểm toán nhà nước và kiến nghị sửa đổi, bổ sung các chuẩn mực kiểm toán nhà nước; Hiểu biết các thông lệ và chuẩn mực kiểm toán quốc tế; Có thâm niên tối thiểu ở ngạch Kiểm toán viên là 05 năm hoặc ở ngạch tương đương là 08 năm; Đã đỗ kỳ thi ngạch Kiểm toán viên chính. *Điều 25. Tiêu chuẩn bổ nhiệm vào ngạch Kiểm toán viên cao cấp:* Nắm vững và có khả năng chỉ đạo áp dụng quy trình, chuẩn mực, phương pháp chuyên môn, nghiệp vụ ở các lĩnh vực kiểm toán vào hoạt động kiểm toán; Có năng lực chủ trì nghiên cứu đề tài khoa học cấp bộ, cấp nhà nước về lĩnh vực kiểm toán nhà nước; Có thâm niên tối thiểu ở ngạch Kiểm toán viên chính là 05 năm hoặc ở ngạch tương đương là 08 năm; Đã đỗ kỳ thi ngạch Kiểm toán viên cao cấp.

Bổ sung các trường hợp miễn nhiệm các ngạch Kiểm toán viên

nhà nước. Theo đó, Kiểm toán viên nhà nước bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau: Bị kết tội bằng bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật này; vi phạm phẩm chất đạo đức Kiểm toán viên nhà nước; không hoàn thành nhiệm vụ ở ngạch bổ nhiệm; có bằng chứng phát hiện người đã được bổ nhiệm vào ngạch Kiểm toán viên nhà nước có gian lận trong thi cử, hồ sơ bổ nhiệm vào ngạch (Điều 27).

7. Thời hạn kiểm toán

Để rút ngắn thời hạn kiểm toán, kết quả kiểm toán phục vụ kịp thời cho hoạt động của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Luật quy định thời hạn cụ thể của cuộc kiểm toán, theo đó: Thời hạn của cuộc kiểm toán được tính từ ngày công bố quyết định kiểm toán đến khi kết thúc việc kiểm toán tại đơn vị được kiểm toán; Thời hạn của một cuộc kiểm toán không quá 60 ngày; Trường hợp phức tạp, cần thiết kéo dài thời hạn kiểm toán thì Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định gia hạn một lần, thời gian gia hạn không quá 30 ngày; Đối với cuộc kiểm toán để đánh giá tính kinh tế, hiệu lực và hiệu quả trong quản lý và sử dụng tài chính công, tài sản công có quy mô toàn quốc, Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định cụ thể về thời hạn kiểm toán (Điều 34).

8. Tổ chức và hoạt động của Đoàn kiểm toán

- *Đoàn kiểm toán:* cơ bản giữ nguyên như Luật hiện hành, tuy nhiên qua thực tiễn hoạt động kiểm toán có nhiều cuộc kiểm toán không thành lập Tổ kiểm toán, vì vậy Luật bổ sung quy

định: Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định thành lập Đoàn kiểm toán để thực hiện nhiệm vụ kiểm toán của KTNN. Tùy thuộc vào quy mô cuộc kiểm toán, Đoàn kiểm toán có Tổ kiểm toán hoặc không có Tổ kiểm toán. Đoàn kiểm toán tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ kiểm toán nhưng phải chịu trách nhiệm về những đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị trong báo cáo kiểm toán (Điều 36). Thành phần Đoàn kiểm toán gồm: Trưởng Đoàn kiểm toán; các Phó Trưởng Đoàn kiểm toán; các Tổ trưởng Tổ kiểm toán, nếu Đoàn kiểm toán có Tổ kiểm toán; các thành viên (Điều 37).

- *Tiêu chuẩn Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn, Tổ trưởng Tổ kiểm toán:* Trên cơ sở các quy định về tổ chức và hoạt động của Đoàn kiểm toán, để nâng cao hơn chất lượng các thành viên Đoàn kiểm toán, Tổ kiểm toán, Luật bổ sung quy định về tiêu chuẩn của Trưởng Đoàn kiểm toán, Phó Trưởng Đoàn kiểm toán và Tổ trưởng Tổ kiểm toán: *Trưởng Đoàn kiểm toán, Phó Trưởng Đoàn kiểm toán phải là Kiểm toán viên chính giữ chức vụ từ Phó Trưởng phòng trở lên hoặc Kiểm toán viên giữ chức vụ từ Trưởng phòng trở lên. Tổ trưởng Tổ kiểm toán phải là Kiểm toán viên chính hoặc Kiểm toán viên giữ chức vụ từ Phó Trưởng phòng trở lên (Điều 38).*

9. Công khai báo cáo kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán

Nhằm tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân giám sát hoạt động của KTNN và việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công của các cơ quan, tổ chức; giám



sát việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của các đơn vị được kiểm toán, Luật quy định: Báo cáo kiểm toán sau khi phát hành, báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm và báo cáo kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của KTNN sau khi báo cáo Quốc hội được công bố công khai thông qua theo một hoặc một số hình thức sau: Hộp báo; công bố trên Công báo và phương tiện thông tin đại chúng; đăng tải trên Trang thông tin điện tử và các ấn phẩm của KTNN. Đối với báo cáo kiểm toán còn có thể được niêm yết tại trụ sở của đơn vị được kiểm toán.

10. Đơn vị được kiểm toán

Các đơn vị được kiểm toán:

Để kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công theo quy định của Hiến pháp, đòi hỏi KTNN có quyền kiểm toán tất cả các cơ quan, tổ chức có quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công. Do đó bên cạnh những đơn vị được kiểm toán như quy định của Luật hiện hành, Luật bổ sung đơn vị được kiểm toán: Đơn vị quản lý, sử dụng dự trữ quốc gia; Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; Cơ quan quản lý, sử dụng nợ công; Đối với các doanh nghiệp, thực hiện kiểm toán đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ; Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống, khi cần thiết, Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định lựa chọn mục tiêu, tiêu chí, nội dung và phương pháp kiểm toán phù hợp (Điều 55).

Quyền và nghĩa vụ của đơn vị được kiểm toán:

Quyền và nghĩa vụ của đơn vị được kiểm toán cơ bản được kế

thừa và giữ nguyên như quy định của Luật hiện hành, bên cạnh đó, Luật thay quyền “kiến nghị” của đơn vị được kiểm toán thành quyền: Khiếu nại về đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị kiểm toán trong báo cáo kiểm toán khi có căn cứ cho rằng đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị đó là trái pháp luật. Đồng thời, Luật cũng quy định rõ: Trong thời gian giải quyết khiếu nại, đơn vị được kiểm toán vẫn phải thực hiện đầy đủ, kịp thời kết luận, kiến nghị kiểm toán của KTNN, trừ trường hợp Tổng Kiểm toán Nhà nước, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định tạm đình chỉ thực hiện các kết luận, kiến nghị kiểm toán của KTNN (Điều 56, 57).

11. Trách nhiệm gửi báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách, dự toán kinh phí của đơn vị được kiểm toán

Để KTNN có thông tin, tài liệu phục vụ cho hoạt động kiểm toán, Luật quy định trách nhiệm của các đơn vị được kiểm toán trong gửi báo cáo tài chính, dự toán kinh phí cho KTNN: Kết thúc năm ngân sách, các đơn vị dự toán cấp I của ngân sách trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị được kiểm toán có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách, dự toán kinh phí năm sau cho KTNN; Bộ Tài chính, Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi báo cáo thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm cho KTNN; Tổng Kiểm toán Nhà nước quy định cụ thể về thời gian, nơi nhận báo cáo theo quy định của pháp luật (Điều 58).

12. Trách nhiệm của các cơ

quan, tổ chức, cá nhân liên quan đối với hoạt động của KTNN

Hoạt động kiểm toán của KTNN có đối tượng và phạm vi rộng, bao gồm mọi cơ quan, tổ chức quản lý và sử dụng tài chính công, tài sản công. Do vậy, sự phối hợp và trách nhiệm của các cấp, các ngành, địa phương và đơn vị được kiểm toán giữ vai trò quan trọng, tạo điều kiện để KTNN nâng cao chất lượng kiểm toán, phục vụ và đáp ứng tốt yêu cầu của Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan quản lý, các ngành và địa phương, nâng cao hiệu quả và hiệu lực trong việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công của đơn vị được kiểm toán. Bên cạnh đó, thông qua hoạt động kiểm toán, KTNN đã phát hiện nhiều sai phạm, yếu kém trong công tác quản lý điều hành và sử dụng ngân sách, tiền và tài sản nhà nước; phát hiện một số vụ việc tiêu cực, tham nhũng, lãng phí và chuyển các cơ quan chức năng xử lý theo thẩm quyền. Tuy nhiên, Luật Kiểm toán nhà nước năm 2005 chưa quy định về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đối với hoạt động của KTNN. Vì vậy, Luật bổ sung Chương 7, quy định về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đối với hoạt động KTNN, trong đó quy định về: Quốc hội với KTNN; Chính phủ với KTNN; trách nhiệm các cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; trách nhiệm cơ quan, tổ chức trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm toán. ■

“Sân chơi” TPP:

Việt Nam kiên cường chấp nhận hội nhập với không ít rủi ro phía trước

 XUÂN HỒNG

Diễn biến gần đây trên thế giới chỉ ra rằng, các cuộc đàm phán quốc tế để giải quyết tranh chấp hay các vấn đề kinh tế, chính trị... sẽ chẳng bao giờ đơn giản. Hy Lạp và các chủ nợ châu Âu phải mất 6 tháng trước khi đồng thuận về gói cứu trợ tài chính cho Athens, giữa lúc quốc gia này đang tuyệt vọng về tài chính. Trong khi đó, Iran và nhóm các nước P5+1 (gồm 5 nước Ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc và Đức) chật vật 18 tháng đàm phán trước khi đồng ý những điều khoản cơ bản như thỏa thuận đạt được hồi đầu tháng 7 vừa qua. Và, Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), 5 năm, trải qua 19 vòng đàm phán chính thức với rất nhiều tranh luận, đã gần đi đến hồi kết vào ngày 03/8/2015 sau hơn 1 tuần nhóm họp của 12 vị Bộ trưởng Thương mại các nước tại Hawaii, Mỹ. Kết quả, các nước thành viên TPP đã đạt được tiến bộ đáng kể, chỉ còn một số ít các vấn đề cần thêm thời gian tham vấn trong nước.

Mặc dù không đạt được một thỏa thuận cuối cùng như mong đợi, song, những triển vọng mà TPP mang lại về tự do thương mại vẫn là “cánh cửa” rộng mở cho tất cả các bên tham gia. Thậm chí, Kênh Thông tin Kinh tế và Tài chính Mỹ (CNBC) còn nhận định, trong cuộc chơi trên “sân” TPP, sẽ chỉ toàn kẻ thắng cuộc, không bên nào phải chịu thua thiệt. CNBC cho rằng, Việt Nam là quốc gia được hưởng lợi lớn nhất khi tham gia TPP. Viện Kinh tế quốc tế Peterson (PIIE) thì nhấn mạnh, Việt Nam sẽ là nước nhìn thấy mức tăng trưởng thu nhập lớn nhất và mức tăng trưởng xuất khẩu cao nhất trong số các quốc gia thành viên TPP, với tỷ lệ tăng lần lượt là 13,6% và 31,7%. Liệu Việt Nam, quốc gia đang có bình quân thu nhập theo đầu người thấp nhất trong 12 nước tham gia đàm phán TPP, có đạt được những triển vọng như dự báo? Đường như các quan ngại vẫn còn ở phía trước...

Quan hệ thương mại Việt Nam và các nước TPP trước ngày kết thúc đàm phán

Năm 2008, Việt Nam chính thức tham gia đàm phán TPP - một hiệp định thương mại tự do (FTA) đa phương, được đánh giá là toàn diện và có phạm vi ảnh hưởng rộng nhất cho đến thời điểm hiện tại. Mặc dù là một hiệp định thương mại, song các điều khoản của TPP không chỉ giới hạn trong thương mại hàng hóa, mà tham vọng hơn, mục tiêu của TPP là nhằm viết lại luật chơi thương mại toàn cầu bằng tự do hóa thương mại, dịch vụ và tài chính, thúc đẩy luân chuyển dòng vốn và lao động; quan trọng nhất là thiết lập các điều kiện về thể chế để phục vụ các mục tiêu: khuôn khổ pháp lý liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, các doanh nghiệp nhà nước, cạnh tranh, giải quyết tranh chấp...

Cùng điểm lại quan hệ thương mại Việt Nam - TPP: Từ năm 1990 đến nay, mặc dù xuất khẩu của Việt Nam sang các nước TPP liên tục tăng, nhưng tỷ trọng trong tổng xuất khẩu lại không ổn định qua các năm. Xuất khẩu của Việt Nam sang các nước này đạt mức đỉnh điểm 50% trong những năm đầu thập niên 90 và trong giai đoạn 2003-2007.

Trong thập niên 90, hai đối tác thương mại quan trọng của Việt Nam là Nhật Bản và Singapore, khi xuất khẩu sang hai thị trường này có lúc lên tới 50% tổng xuất khẩu của Việt Nam. Từ năm 2002, xuất khẩu sang thị trường Mỹ tăng nhanh, đưa Mỹ trở thành thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam. Đồng thời, cũng trong thời kỳ này, xuất khẩu sang thị trường Australia tăng nhanh, xấp xỉ 10% tổng xuất khẩu của Việt Nam. Nhưng, từ sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2008, tỷ trọng xuất khẩu của Việt Nam sang các nước TPP giảm dần và ổn định ở mức 38-39%.

Về nhập khẩu, trong các nước TPP, Việt Nam nhập khẩu chủ yếu từ bốn đối tác lớn là Malaysia, Singapore, Nhật Bản và Mỹ. Khác với xuất khẩu, tỷ trọng



nhập khẩu từ các nước TPP đang có xu hướng giảm dần qua các năm, từ 39,3% (2000) giảm xuống 30% (2009) và hiện nay ở mức 23% (2014). Nguyên nhân chủ yếu là do nhập khẩu từ Trung Quốc ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nhập khẩu của Việt Nam. Trong năm 2014, nhập khẩu từ 11 nước TPP đạt 34 tỷ USD, trong khi nhập khẩu từ Trung Quốc lên tới 43,9 tỷ USD và chiếm tới 29,6% tổng nhập khẩu. Xuất, nhập khẩu của Việt Nam với các nước TPP tập trung chủ yếu ở một số ngành như sản phẩm máy móc, thiết bị điện, nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm từ hóa dầu, quần áo, may mặc...

Về đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam: Xét cả về số vốn đăng ký và số dự án, các nước TPP luôn là những nhà đầu tư lớn vào Việt Nam so với các nước khác trong khu vực. Tính lũy kế các dự án còn hiệu lực, mức độ đầu tư trực tiếp nước ngoài từ các nước TPP có xu hướng gấp đôi lượng vốn và số dự án đầu tư từ các nước trong khu vực ASEAN. Đến cuối năm 2014, Nhật Bản và Singapore là hai quốc gia có tổng mức đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam lớn nhất, lần lượt là 2.531 và 1.367 dự án; 8 trong số 11 thành viên còn lại của TPP có khoảng 5,8 nghìn dự án đầu tư còn hiệu lực. Về tổng số vốn đăng ký, tính đến 20/12/2014 vốn đăng ký lũy kế đến từ các đối tác TPP đạt 100,4 tỷ USD, chiếm 39,7% dòng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam; trong đó, phải kể đến các nhà đầu tư lớn như Nhật Bản, Singapore, Mỹ.

TPP và những tác động vĩ mô tới kinh tế Việt Nam

Trong một nghiên cứu mới đây của Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR) đã chỉ ra 6 tác động của TPP trên khía cạnh vĩ mô tới kinh tế Việt Nam:

Thứ nhất, sự cấp thiết phải tiến hành cải cách thể chế, tự do hóa thị trường các yếu tố đầu vào như lao động, vốn, đất đai. Bảo cáo khẳng định, hội nhập không đi liền với các cải cách trên thì không những sẽ khiến Việt Nam khó tận dụng được những cơ hội tốt mà còn có thể dẫn đến nhiều suy giảm. Không sớm thì muộn, Việt Nam sẽ không còn khả năng duy trì lợi thế về lao động giá rẻ khi nhu cầu về lao động có kỹ năng tăng lên và không thể duy trì được tăng trưởng kinh tế như trước bởi sự dịch chuyển tự do của lao động, không chỉ trong nước mà còn giữa các nước.

Thứ hai, khi TPP thực thi, các dòng thuế quan sẽ giảm về 0% khiến doanh thu từ thuế giảm. Điều này

ảnh hưởng tới nguồn thu ngân sách, khiến Chính phủ có thể tìm cách bù đắp nguồn thâm hụt này bằng các nguồn khác nhau như tăng các loại thuế khác, tăng vay nợ hoặc cắt giảm chi tiêu thường xuyên, trợ cấp và/hoặc đầu tư công nhằm giữ ổn định cán cân ngân sách. Tuy nhiên, một số chính sách đó có thể cản trở nỗ lực hồi phục của nền kinh tế, tăng khả năng xảy ra bất ổn kinh tế vĩ mô.

Thứ ba, liên quan đến vấn đề nhập khẩu gia tăng trong khi xuất khẩu có xu hướng giảm, Việt Nam cần có những chính sách hỗ trợ hợp lý để thúc đẩy phát triển những ngành có lợi thế so sánh nhằm tăng năng suất và tăng sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước cũng như đẩy mạnh xuất khẩu.

Thứ tư, việc tham gia các FTA không những đòi hỏi các nước tham gia phải cắt giảm thuế quan, mà ngày càng quan tâm hơn các vấn đề về cắt giảm hàng rào phi thuế quan như cắt giảm chi phí vận chuyển, thủ tục chờ đợi nhập khẩu... Khi tham gia TPP, Việt Nam cần phải điều chỉnh cả những yếu tố không phải yếu tố thương mại như các nội dung liên quan tới lao động, quyền sở hữu trí tuệ... Do đó, việc thực hiện các cam kết trong TPP đòi hỏi những thay đổi về chính sách và luật pháp trong nước.

Thứ năm, xu hướng tiến tới cắt giảm hoàn toàn hàng rào thuế quan, đưa mức thuế nhập khẩu về 0 đối với hầu hết các nhóm hàng hóa. Chính vì vậy, các nước sẽ có xu hướng áp dụng những hàng rào kỹ thuật thay thế để bảo vệ các ngành sản xuất nội địa của mình.

Thứ sáu, với các hiệp định thương mại, cùng với sự gia tăng các dòng thương mại, các nước trong và ngoài hiệp định sẽ tăng cường đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam. Đây vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với nước ta trong việc thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn vốn FDI.

Ông Nguyễn Đức Thành, Viện trưởng VEPR cho biết thêm, kết quả mô hình mô phỏng của nghiên cứu cho thấy, dưới tác động của TPP, Việt Nam sẽ được gia tăng về tiêu dùng và đầu tư, đặc biệt nhờ những ngành công nghiệp nhẹ như may mặc, dệt, da giày... Tuy nhiên, các ngành này đòi hỏi lao động giá rẻ để thu hút đầu tư. Một khi mức lương của Việt Nam tăng liên tục, những nhà đầu tư nước ngoài không bám rễ tại đây mà có thể sẽ tìm kiếm và lựa chọn các nước khác làm điểm đến mới trong đầu tư. Do đó, Việt Nam không nên phụ thuộc vào những lợi ích ngắn hạn mà TPP mang lại.

Làm thế nào để tận dụng thành công “sân chơi” TPP?

Thực tế, quá trình hội nhập của Việt Nam trong vài thập kỷ gần đây đã mang lại cho đất nước sự tăng trưởng về kinh tế, đầu tư, xuất khẩu và thu nhập. Tuy nhiên, mức độ mở cửa càng lớn cũng đồng nghĩa với rủi ro từ bên ngoài càng cao, thậm chí có thể làm xấu đi những rủi ro nội tại. Sự kiện Việt Nam gia nhập WTO năm 2007 là một ví dụ. Sự kiện này cũng đã từng nhận được rất nhiều kỳ vọng lớn lao. Theo đó, xuất khẩu và đầu tư nước ngoài tăng mạnh, nhưng nguồn vốn lớn ồ ạt đổ vào trong nước đi kèm với chính sách tiền tệ thiếu kinh nghiệm (chính sách quản lý neo tỷ giá với độ mở cao hơn) đã góp phần thổi phồng bong bóng bất động sản và khiến lạm phát hai con số trở lại vào năm 2008. Sự phụ thuộc lớn của Việt Nam vào nhập khẩu và đầu tư nước ngoài, các ảnh hưởng kéo theo của khủng hoảng kinh tế thế giới và những yếu kém nội tại kéo dài trong giai đoạn hậu WTO đã giống lên hồi chuông cảnh báo: Việt Nam không nên quá tự mãn với việc ký kết những FTA đầy hứa hẹn như TPP. Thậm chí, nhiều ý kiến cho rằng, nếu không có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, những lợi thế và bất lợi của TPP sẽ đan xen vào nhau, dẫn đến mất kiểm soát.

Ông Ngô Chung Khanh, Phó Vụ trưởng Vụ Chính sách Đa biên, Bộ Công thương tỏ ra thận trọng: Mặc dù TPP rất hấp dẫn nhưng không phải dễ dàng để đạt được. Chẳng hạn, hàng dệt may phải đạt được tiêu chuẩn về quy tắc xuất xứ, nếu không đạt được tiêu chuẩn này thì vô hình trung, lợi ích từ FTA cũng không được hưởng. Hơn nữa, TPP là một hiệp định tham vọng và nhiều điều mới mẻ hơn rất nhiều so với WTO. WTO là cơ chế đã có sẵn hàng chục năm, còn TPP là một cơ chế vừa đàm phán, vừa xây dựng, cho nên có những điều rất mới mà chúng ta cũng không biết có thể áp dụng thành công ở Việt Nam hay không.

Với vai trò một đơn vị nghiên cứu và tư vấn chính sách, ông Nguyễn Đức Thành cho rằng, để tận dụng tối đa những cơ hội cũng như vượt qua được các thử thách hội nhập, Việt Nam cần tiếp tục tiến hành những thay đổi nền tảng về cấu trúc kinh tế, thể chế và chính sách quản lý. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng cần có những chính sách cụ thể để hỗ trợ các ngành có lợi thế, tạo lợi thế mới và hỗ trợ quá trình tái cấu trúc của các ngành chịu tác động và giảm bớt thiệt hại cho những bên bị thua

thiệt trong quá trình tự do hóa thương mại, giúp họ chuyển đổi ngành nghề dễ dàng hơn.

Đồng quan điểm trên, chuyên gia kinh tế Phạm Chi Lan cho biết, chúng ta phải tiến hành các biện pháp cải cách thể chế, tái cấu trúc kinh tế, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngành, các sản phẩm, các doanh nghiệp. Đây là sự chuẩn bị quan trọng và cấp thiết để chúng ta có thể chủ động đối phó với những thách thức và tận dụng các cơ hội có thể mở ra khi tham gia TPP.

Ông Phạm Bình An, Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ hội nhập Tp. Hồ Chí Minh thì lạc quan cho rằng, sự sàng lọc của TPP sẽ mang lại những lựa chọn doanh nghiệp khỏe mạnh, phù hợp với nền kinh tế thị trường và phát triển tốt hơn. Ông An dẫn chứng: “Thịt gà từ Mỹ, đi nửa vòng trái đất về Việt Nam mà chỉ có giá 19.000 đồng/kg, bằng một nửa so với giá gà Việt Nam. Mặc dù thịt gà của họ là đông lạnh, nhưng với giá đó, nếu không tính thuế thì chúng ta đã thấy nông dân, doanh nghiệp mình thua rồi. Nhưng, chúng ta phải nhìn vấn đề hai mặt, không nên bi quan. Việt Nam phải có những thay đổi để phù hợp với các chuẩn mực mới về thương mại. Trong nền kinh tế hiện nay, chúng ta không thể một mình một chợ”.

Hiện nay, điểm yếu của nền kinh tế Việt Nam là tăng trưởng kinh tế ổn định nhưng chưa cao và chưa thể ứng phó tốt với những trời sập bất thường từ các cú sốc trên thị trường quốc tế về giá cả, dòng vốn, khủng hoảng tài chính... Dựa vào năng lực cạnh tranh của Việt Nam với các nước trong cộng đồng TPP, nhiều nhận định cho rằng, sự chênh lệch giữa các nền kinh tế tham gia khó tạo điều kiện cho các nước yếu kém. Vì vậy, trong con mắt của nhiều nước, Việt Nam kiên cường đến nỗi chấp nhận hội nhập ở đẳng cấp cao nhất của thế giới với không ít rủi ro. Cho nên, khi tham gia “sân chơi” TPP, sẽ còn nhiều câu hỏi được đặt ra. Thực tế chứng minh, sau hơn 7 năm gia nhập WTO, Việt Nam vẫn chưa có sự đột phá lớn về kinh tế. Còn với TPP lần này, một “sân chơi” hoàn toàn khác và có phần khắc nghiệt hơn, càng đòi hỏi những nỗ lực cao hơn, minh bạch hơn về cải cách thể chế của Chính phủ, sự cam kết của chính quyền trung ương và địa phương, cũng như những thay đổi toàn diện từ phía doanh nghiệp (quy trình công nghệ, hệ thống quản trị, chiến lược phát triển...).

Rõ ràng, “lối dẫn” đến TPP vẫn còn nhiều chông gai...■



Xu hướng thị trường vàng những tháng cuối năm 2015

 TS. NGUYỄN MINH PHONG

Đầu năm 2015, vàng miếng SJC giá bán ra 35,75 triệu đồng/lượng, ngày 4/8, giá chỉ còn giao động từ 32,78 - 32,95 triệu đồng/lượng tại Hà Nội. Trong tháng 7, giá vàng trong nước có mức giảm mạnh nhất trong nửa đầu năm 2015 và là mức giá thấp nhất trong 5 năm qua, kể từ thời đỉnh điểm trên 49 triệu đồng/lượng.

Hiện chênh lệch giữa giá vàng trong nước - thế giới đã rút ngắn còn 3,05 triệu đồng/lượng. Vàng giảm giá và ổn định cao, khiến xu hướng bán vàng ra hoặc đem vàng đi cầm tại các tiệm vàng tăng khá mạnh, với mức cho vay tới 70 - 80%, thậm chí 90% giá trị vàng thế chấp.

Giá vàng có xu hướng khó tăng đột biến trong nửa cuối năm 2015 trước hết do xu hướng ổn định và lên giá của đồng đô la Mỹ, cũng như chưa có dấu hiệu tăng lãi suất đồng tiền này, gắn với những thông tin tăng trưởng tích cực nền kinh tế Mỹ. Trong vòng 12 tháng qua, giá vàng quốc tế đã giảm 12%, trong khi tỷ giá đồng USD tăng 18%. Mỗi khi đồng đô la lên giá, vàng trở nên đắt đỏ hơn đối với các nhà đầu tư bằng ngoại tệ khác. Điều đó là giảm nhu cầu và là nhân tố hàng đầu làm giảm giá vàng. Nói cách khác, giá vàng sẽ giảm do kỳ vọng tăng giá và lãi suất USD.



Sự đi ngang của giá dầu trong nửa cuối năm 2015 đồng nghĩa chi phí kinh doanh khó tăng mạnh, giúp các nền kinh tế nhập khẩu dầu duy trì cơ hội tăng trưởng. Lạm phát thấp, lãi suất giảm và giá dầu mở đi ngang khiến lợi nhuận nhiều trái phiếu và cổ phiếu tăng lên sau khi FED kết thúc chương trình nới lỏng định lượng QE sẽ khó làm tăng dòng vốn chảy vào thị trường vàng, khiến giá vàng dù không giảm sâu tiếp, nhưng cũng khó đột biến tăng.

Thị trường vàng từ cuối năm 2011 đến nay, sau chu kỳ tăng giá suốt 11 năm, giá vàng đã tăng liên tục, cán mức đỉnh 49,2 triệu đồng/lượng (giá thế giới thời điểm đó là 1.920 USD/ounce) và quay đầu giảm, nên không còn nhiều cơ hội đầu tư hấp dẫn các nhà đầu tư quốc tế lớn. Vì vậy, trước khi có sự quay trở lại với cuộc chơi này của các đại gia vàng, giá vàng thế giới sẽ không có nhiều động

lực tăng giá-đầu cơ mới.

Bên cạnh đó, cũng còn tồn tại nhiều nhân tố kìm giữ giá vàng, nổi bật là bất ổn tại Đông Âu, Trung Đông và những quan ngại về tăng trưởng chậm lại, nhất là những chấn động trên thị trường chứng khoán của Trung Quốc giữa và nửa cuối năm 2015. Khi đã thăm đôn xuống giá cổ phiếu tới gần 30% và làm bốc hơi khoảng 300 tỷ USD chỉ trong khoảng 1 tháng giữa năm 2015, chắc chắn nhiều nhà đầu tư và người dân Trung Quốc sẽ lại tiếp tục quay về thị trường vàng như một thói quen truyền thống của mình. Việc loại bỏ giới hạn nhập khẩu vàng của Ấn Độ năm qua cũng khiến Ấn Độ cùng với Trung Quốc hiện chiếm hơn 50% nhu cầu nhập khẩu vàng vật chất. Sự cộng hưởng nhu cầu của hai quốc gia tiêu thụ vàng hàng đầu thế giới này sẽ làm tăng tổng cầu, và do đó, làm tăng giá vàng trên thế giới một cách đáng kể...

Hơn nữa, giá dầu thấp (và sẽ còn thấp hơn do sự tham gia trở lại của Iran với tư cách nguồn cung lớn nhờ đạt được thỏa thuận hạt nhân lịch sử) khiến vàng giảm giá và kích thích nhu cầu mua trữ vàng. Đến lượt mình, khi đủ lớn, việc mua trữ vàng này sẽ làm tăng giá vàng thế giới.

Ngoài ra, những gói kích thích kinh tế tại châu Âu, Trung Quốc và Nhật Bản sẽ có tác động trễ làm tăng xu hướng lạm phát, và do đó, kích đẩy xu hướng tăng nhu cầu và giá vàng trên thế giới. Thậm chí, do áp lực tăng nguồn cung tiền và các cơ sở tiền tệ này mà đã có một số kịch bản u ám về giá vàng thế giới có thể sẽ chạm tới mức giá 3648 USD/ounce trong năm 2018 và hướng tới mức 7829 USD/ ounce trong năm 2023.

Nhìn chung, giá vàng thế giới năm 2015 và triển vọng trong trung hạn, sẽ có dải biến động rất rộng, từ 950-1238 USD/ounce (trung bình khoảng 1200 USD/so với mức đỉnh 1900 USD/ounce trước đây. Những nhân tố địa chính trị sẽ có tác động bất ngờ nhất đối với giá vàng thế giới thời gian tới.

Thị trường vàng trong nước năm 2015 tuy biến động chậm hơn so với giá vàng quốc tế, nhưng cơ bản phản ánh và chịu những tác động cộng hưởng những nhân tố và các động thái trên trên đây của thị trường vàng thế giới. Đồng thời, thị trường vàng còn đang chịu sự quản lý của Nhà nước khá ngặt nghèo, thiếu sự đa dạng các kênh, công cụ kinh doanh và thiếu cả sự liên thông trực tiếp giữa thị trường vàng trong nước với thế giới. Sự độc quyền nhập khẩu vàng và gia tăng kiểm soát chống đầu cơ và các hoạt động buôn bán trái phép vàng, ngoại hối này khiến chênh lệch giá vàng trong nước với thế giới thường xuyên ở mức 3-4 triệu đồng/lượng so với mức chỉ trên dưới 400.000 đồng thời điểm năm 2010 (khi đó giá vàng thế

giới vào khoảng 1.320 USD/ounce và giá trong nước lúc đó là 34,4 triệu đồng/lượng). Trong bối cảnh chênh lệch giá vàng nội - ngoại cao và khan hiếm nguồn cung đó, các hoạt động kinh doanh vàng “lướt sóng” trở nên rủi ro cao, các nhà đầu tư khó phản ứng kịp thời với giá thị trường thế giới bởi không thể chủ động nguồn cung vàng và chịu sự điều tiết giá cả từ NHNN...

Hơn nữa, động lực kinh doanh vàng không mạnh còn do kinh tế vĩ mô đầu năm của Việt Nam khá tích cực, tạo lòng tin vào giá trị tiền Đồng và triển vọng kinh tế, với trị số GDP 6 tháng tăng cao nhất trong 5 năm qua, lạm phát thấp và tỷ giá khá ổn định; đồng thời, thu nhập của người dân và doanh nghiệp ít đột biến, trong khi lãi suất khá mềm dẻo, có lợi cho người gửi tiền tiết kiệm hơn là giữ vàng. Việc kết thúc trạng thái tín dụng-vàng của các ngân hàng thương mại trước đây đã làm suy giảm mạnh tổng cầu thực về vàng vật chất trên thị trường. Ngay cả tổng cầu ảo về vàng cũng đã giảm thiểu do các cơ quan chức năng tăng cường sự trấn áp mạnh các sản vàng ảo kinh doanh bất hợp pháp trong thời gian gần đây. Tất cả khiến giao dịch vàng trở lên hiu hắt, khối lượng giao dịch của một số công ty kinh doanh vàng lớn giảm hàng chục lần...

Về triển vọng, chưa có nhiều “cơ hội vàng” cho ai đó ưa kinh doanh “lướt sóng” và đầu cơ vàng, nhưng vàng vẫn là công cụ tích trữ bảo đảm an toàn tài chính dài hạn đáng lựa chọn của nhiều người.■

Câu lớn, cung tăng...

Theo Bộ Xây dựng, giai đoạn năm 2012-2015, khu vực đô thị cần khoảng 700.000 căn hộ NOXH và đến năm 2020 cả nước vẫn sẽ cần thêm khoảng 200.000 căn. Các đô thị càng lớn thì nhu cầu về NOXH càng cao, trong đó, Thành phố Hồ Chí Minh dẫn đầu với 134.000 căn, Hà Nội cần 111.200 căn (cán bộ, công chức 25 bộ, ngành ở Hà Nội cần khoảng 30.000 căn và nguồn cung NOXH tại các dự án trên địa bàn thành phố mới đáp ứng được khoảng 60 -70% tổng nhu cầu của người dân), Bình Dương 104.000 căn, Đà Nẵng khoảng 16.000 căn và Đồng Nai 95.000 căn. Tuy nhiên, đến nay mới chỉ có 16 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở (điều chỉnh) còn các địa phương khác vẫn đang tiến hành lập và sẽ phê duyệt trong năm 2015. Hết năm 2014, cả nước có tổng cộng 3.978 dự án phát triển đô thị, phát triển nhà ở đã được quy hoạch và cấp phép đầu tư với tổng diện tích đất theo quy hoạch khoảng 101.391 ha. Trong đó, đất xây dựng nhà ở theo quy hoạch là 35.883 ha, đất để xây dựng NOXH theo quy hoạch khoảng 2.354 ha; tổng diện tích nhà ở theo quy hoạch hơn 462 triệu m² sàn, tương đương gần 3 triệu căn hộ. Trên cơ sở nhu cầu thực tế và để thiết lập lại cán cân cung-cầu, các địa phương đã rà soát và bước đầu phân loại lại các dự án, theo đó có 3.172 dự án (chiếm gần 80%), với diện tích đất là 80.653ha (chiếm 79,5%), diện tích đất xây dựng nhà ở khoảng 29.268 ha (chiếm gần 82%) được tiếp tục triển



Nút thắt phát triển nhà ở xã hội

 NGUYỄN VĂN THANH

Nhà ở xã hội (NOXH) có lượng cầu lớn và cung không ngừng tăng, chủ đầu tư được nhận nhiều ưu đãi khi tham gia xây dựng loại nhà này, nhưng nhiều dự án vẫn khó triển khai... Nghịch lý này cần tìm lời giải không chỉ ở sản phẩm bất động sản (BDS), mà còn ở nội dung các chính sách ưu đãi và cả ở các gói kích cầu nhà ở xã hội...

khai. Cùng với đó, số dự án cần phải điều chỉnh cơ cấu cho phù hợp quy hoạch và nhu cầu của thị trường là 460 dự án (chiếm xấp xỉ 12%). Các dự án này nằm cả trong số các dự án được tiếp tục triển khai và trong số các dự án tạm dừng, diện tích đất khoảng 20.128 ha (chiếm gần 20%), diện tích đất xây dựng nhà ở khoảng 7.574 ha (chiếm hơn 21%); trong đó Hà Nội có 285 dự án cần điều chỉnh, Thành phố Hồ Chí Minh có 33 dự án cần điều chỉnh. Đáng chú ý, cả nước có 306 dự án tạm dừng triển khai (chiếm gần 8%), diện tích đất là 14.897 ha (chiếm xấp xỉ 15%), diện tích đất xây dựng nhà ở khoảng 4.394 ha (chiếm hơn 12%). Các dự án tạm dừng chủ yếu là do chủ đầu tư không huy động được thêm nguồn vốn để triển khai tiếp. Cùng với việc tiếp tục rà soát, cập nhật số liệu báo cáo bổ sung, việc xác định nhu cầu NOXH tại các địa bàn trọng điểm cũng được nhiều địa phương thống kê và đưa vào chương trình xây dựng, phát triển nhà ở.

Thực tế đòi hỏi cần tăng cường kiểm tra việc tuân thủ pháp luật của chủ đầu tư dự án

NOXH trong quá trình triển khai thực hiện dự án và quản lý, sử dụng NOXH đơn độc, hướng dẫn chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ dự án và giải quyết các khó khăn, vướng mắc, tuân thủ pháp luật; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật.

... Sao vẫn tắc ?

Nhà ở xã hội có lượng cầu lớn và cung không ngừng tăng, chủ đầu tư được nhận nhiều ưu đãi khi tham gia xây dựng loại nhà này nhưng nhiều dự án vẫn khó triển khai... Nghịch lý này cần tìm lời giải không chỉ ở sản phẩm BDS, mà còn ở nội dung các chính sách ưu đãi và cả ở các gói kích cầu NOXH...

Doanh nghiệp tham gia xây dựng các dự án NOXH được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với diện tích đất trong phạm vi xây dựng dự án NOXH, được áp dụng thuế suất ưu đãi thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng là 5%, được vay vốn ưu đãi ở gói hỗ trợ tín dụng 30.000 tỷ... Nhưng quy trình thực hiện đối với một dự án NOXH vẫn phải thực hiện các bước như đối với nhà ở thương mại. Thậm chí,

quá trình thực hiện còn chặt chẽ hơn, từ giai đoạn thiết kế đến công tác thẩm định hồ sơ, xác định giá thành, giá bán và xét duyệt đối tượng mua nhà. Việc phải dành 20% diện tích dự án để cho thuê (với thời gian thuê tối thiểu 5 năm) làm chậm tiến độ thu hồi, luân chuyển vốn của các chủ đầu tư.

Đặc biệt, gói hỗ trợ 30.000 tỷ được thực hiện theo nội dung Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ, thông qua hình thức Ngân hàng nhà nước (NHNN) tái cấp vốn cho ngân hàng thương mại, với lãi suất ưu đãi, thời hạn tối đa 10 năm tùy theo đối tượng sử dụng vốn vay... Theo Bộ Xây dựng, tính đến đầu tháng 5, mới có hơn 16.870 hộ gia đình, cá nhân ký hợp đồng vay vốn gói tín dụng ưu đãi, hỗ trợ mua nhà ở xã hội 30.000 tỷ đồng, với tổng số vốn cam kết 8.000 tỷ. Đối với các tổ chức, doanh nghiệp, cũng đã có 38 dự án NOXH được vay hơn 5.000 tỷ đồng. Tổng cộng mới có 1300 tỷ đồng, tức 43% gói được cam kết, còn mức giải ngân thực tế thấp hơn nhiều. Tham gia tài trợ tín dụng là 13 ngân hàng, gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank,



Vietinbank, MHD và 8 ngân hàng thương mại khác mới được NHNN bổ sung.

Việc chậm trễ này do nhiều nguyên nhân: Ngoài cơ cấu sản phẩm chưa phù hợp thị trường và nhu cầu thanh toán có hạn của người mua, thì điều kiện tiếp cận gói này có nhiều nút thắt cả về phía người vay doanh nghiệp và người vay cá nhân.

Đối với người đi vay-doanh nghiệp, để được vay gói 30.000 tỷ, chủ đầu tư dự án phải được ngân hàng thẩm định kỹ về năng lực tài chính, xây dựng trước khi quyết định ký kết hợp đồng tín dụng liên kết; nhất là phải đáp ứng điều kiện: Diện tích căn hộ phải nhỏ hơn 70m² và đơn giá phải dưới 15 triệu/m² hoặc tổng giá trị ghi trên hợp đồng đã bao gồm VAT không vượt quá 1.05 tỷ

đồng. Đối với doanh nghiệp, có dự án chuyển đổi công năng sang NOXH được tiếp cận tín dụng như doanh nghiệp làm NOXH, với điều kiện dự án đã được phê duyệt, được chấp thuận của chính quyền địa phương, có đất sạch và giấy phép xây dựng để triển khai được ngay. Mức chênh lệch giữa lãi suất cho vay và lãi suất tái cấp vốn 1,5%/năm là khá thấp, không đảm bảo chi phí hoạt động cho vay của ngân hàng (trong khi chi phí dự phòng chung, chi phí liên quan đến cho vay, theo dõi khoản vay, xử lý nợ... tăng lên). Cơ chế xử lý khoản vay quá hạn cũng còn phức tạp. Trường hợp khoản vay quá hạn, các ngân hàng có được bán nợ không, bán cho ai, bán lại với giá nào, bán dưới hình thức nào... là những câu hỏi ngỏ;

trong khi ngân hàng vẫn phải thanh toán lãi khoản vay quá hạn cho NHNN, còn khoản vay tại ngân hàng vẫn chưa xử lý được, làm tăng chi phí. Ngoài ra, khách hàng bị hạn chế quyền chuyển nhượng căn hộ. Theo đó, sau tối thiểu 5 năm kể từ khi trả hết tiền mua nhà và đã có giấy chủ quyền thì khách hàng mới được chuyển nhượng. Khi chuyển nhượng, khách hàng phải nộp thêm 50% giá trị quyền sử dụng đất phân bổ cho căn hộ, 100% giá trị quyền sử dụng đất đối với nhà liền kề. Trường hợp khách hàng nợ quá hạn, ngân hàng khó xử lý được tài sản đảm bảo là NOXH trong 5 năm bị hạn chế quyền chuyển nhượng. Đồng thời, đối tượng bán lại NOXH cũng hạn chế, chỉ gói gọn là đối tượng thu nhập thấp, Nhà nước, chủ đầu tư.

Đối với người vay-cá nhân, là người chưa có nhà ở hoặc có nhà ở nhưng diện tích dưới 8m²/người. Lãi suất và thời gian hỗ trợ vay gói ưu đãi tối đa là 15 năm, trong đó trong 10 năm đầu tiên (tính đến ngày 01/06/2023) sẽ được hưởng mức lãi suất ưu đãi từ 5% - 6%/năm, 5 năm tiếp theo sẽ tính theo lãi suất thị trường hiện tại (tính từ ngày 01/06/2023). Mức vay tối đa là 80% (đối với các đối tượng làm trong cơ quan nhà nước), và 70% (đối với các đối tượng không làm trong cơ quan nhà nước) trên tổng giá trị căn hộ đã bao gồm VAT (chưa tính phí bảo trì 2%). Người mua nhà cũng không bắt buộc phải có hộ khẩu thường trú, mà chỉ cần giấy tạm trú, kèm theo sổ bảo hiểm xã hội có thời hạn một năm trở lên. Ngoài ra, cá nhân còn được vay để mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, mua, thuê nhà ở thương mại có diện tích nhỏ, lãi suất bằng 50% lãi suất huy động thương mại. Tuy nhiên, quy định người thu nhập thấp thụ hưởng gói tín dụng này phải có thu nhập dưới 9 triệu đồng/tháng, nên nhiều ngân hàng khi thẩm định phương án trả nợ cho rằng khó khả thi, hoặc chấp nhận cho vay thì hạn mức thấp. Quy định thủ tục vay đòi hỏi người mua phải có hợp đồng mua bán thì ngân hàng mới làm thủ tục cho vay, nên khách hàng buộc phải làm thủ tục với chủ đầu tư trước và dễ chịu rủi ro mất tiền đặt cọc nếu không vay được từ gói tín dụng 30.000 tỷ đồng. Ngoài ra, ngân hàng luôn thẩm định chặt chẽ về khả năng trả nợ. Người vay có mức thu nhập 9 triệu đồng/tháng, sau khi trừ đi chi

phí hàng tháng của khách hàng thì với thu nhập còn lại, khách hàng chỉ được vay tối đa 30 - 40% nên không đáp ứng đủ nhu cầu mua nhà của khách hàng.

Chính sách tín dụng hỗ trợ nhà ở là chính sách mới, lần đầu thực hiện nên không tránh khỏi vướng mắc. Thực tế đòi hỏi cần tiếp tục xem xét, cải thiện các thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt dự án nhà ở xã hội; dự án chuyển đổi sang NOXH và điều kiện, quy trình thủ tục cá nhân vay gói hỗ trợ tín dụng NOXH để tăng cung những căn hộ phù hợp nhu cầu và khả năng thanh toán của thị trường về NOXH.

Và những đột phá cần có

Kéo dài thời gian vay mua nhà lên 20 năm để giảm áp lực trả nợ và tăng số tiền khách hàng được vay là một trong những đột phá cần thiết. Ngoài ra, có thêm xem xét mở rộng đối tượng thu nhập thấp tại các thành phố lớn từ mức dưới 9 triệu đồng hiện nay lên mức dưới 12-13 triệu đồng/tháng.

Để phát triển thị trường NOXH, doanh nghiệp cần cung cấp những sản phẩm có vị trí tốt, chất lượng, giá cả phù hợp, dễ mua, dễ bán, dễ cho thuê. Thực tế cho thấy, thị trường có nhu cầu đa dạng và cũng cần những sản phẩm NOXH đa dạng, với nguyên tắc chung là cung cấp cho người mua diện tích rộng rãi hơn nhà trọ, điều kiện ăn ở cũng tốt hơn, có giá khoảng 500-600 triệu đồng đến trên dưới 1 tỷ đồng. Số tiền trả góp hàng tháng chỉ hơn nhà trọ một chút, ví dụ, trả lần đầu 50-70 triệu đồng, mỗi tháng trả góp khoảng 1,5-1,7 triệu đồng trong 10 năm. Đặc

biệt, thị trường đang rất chuộng dạng sản phẩm NOXH mới xây nhà cấp 4, có đủ bếp và nhà vệ sinh, diện tích 25m² (5mx5m) ở cuối mảnh đất khoảng 80-100m². Sau đó, các hộ gia đình có tiền sẽ được mua lại và xây thêm tiền về phía trước tùy theo nhu cầu của mỗi hộ.

Một giải pháp mới giúp thúc đẩy thị trường NOXH là doanh nghiệp ký bảo lãnh với ngân hàng cho người mua nhà đối với dự án doanh nghiệp là chủ đầu tư. Đây cũng chính là một nội dung cần triển khai khi Luật Kinh doanh BĐS có hiệu lực từ ngày 1/7, bảo đảm số tiền cho khách hàng và nhà đầu tư, góp phần vào sự phát triển bền vững của thị trường BĐS trong thời gian tới. Theo Điều 56 Luật Kinh doanh BĐS năm 2014 quy định chủ đầu tư dự án BĐS trước khi bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai phải được ngân hàng thương mại có đủ năng lực thực hiện bảo lãnh nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư đối với khách hàng. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi bản sao hợp đồng bảo lãnh cho bên mua, bên thuê mua khi ký kết hợp đồng mua bán. Hợp đồng bảo lãnh có thời hạn cho đến khi nhà ở được bàn giao cho bên mua, bên thuê mua. Quy định chủ đầu tư phải ký quỹ bảo lãnh nhằm bảo đảm quyền lợi cho người mua nhà. Trong trường hợp chủ đầu tư không thực hiện bàn giao nhà ở theo tiến độ đã cam kết thì bên bảo lãnh là ngân hàng phải có trách nhiệm hoàn lại số tiền ứng trước và các khoản tiền khác cho khách hàng theo hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở đã ký kết. ■

Từ sản xuất đến siêu thị - đường dài nhiều điểm nghẽn

 **THÙY LÊ**

Trong những năm gần đây, tại Việt Nam, trung tâm thương mại và siêu thị hiện đại phát triển rất mạnh mẽ cả về quy mô và số lượng. Đặc biệt, từ đầu năm 2010, sau khi Việt Nam mở cửa lĩnh vực bán lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài theo lộ trình cam kết khi gia nhập WTO, tại hầu hết các thành phố trong cả nước như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng... đã chứng kiến sự phát triển mạnh của các trung tâm thương mại, siêu thị bán lẻ quy mô lớn của các doanh nghiệp trong nước và các tập đoàn siêu thị nước ngoài như: Metro, Big C, Parkson, Lotte... làm thay đổi phương thức phân phối, bán lẻ truyền thống tại Việt Nam. Với khoảng 700 siêu thị, 100 trung tâm thương mại, hàng Việt Nam, trong đó có cả sản phẩm mang thương hiệu nước ngoài sản xuất tại Việt Nam đã chiếm tỷ lệ khá cao trên các kệ hàng của hệ thống bán lẻ hiện đại. Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy, rất nhiều sản phẩm sản xuất trong nước như: nông, lâm, thủy sản, thực phẩm, sản phẩm điện máy và các hàng tiêu dùng khác có chất lượng tốt vẫn chưa được các siêu thị biết đến. Nhiều hàng hóa từ các trang trại, nhà máy sản xuất phải đi qua các đầu mối trung gian, đẩy giá bán lẻ lên cao và bị lẫn lộn với hàng kém chất lượng, hàng giả, hàng nhái đưa

vào tiêu thụ tại các siêu thị gây tâm lý bất ổn cho người tiêu dùng. Thực trạng trên xuất phát từ đâu và giải pháp nào cho vấn đề này là bài toán không dễ đối với nông dân, doanh nghiệp và các nhà bán lẻ trước thời đại hội nhập sâu rộng.

Khó chen chân vào siêu thị nếu sản xuất manh mún

Ông Vũ Vinh Phú, Chủ tịch Hiệp hội Siêu thị Hà Nội cho rằng, sản xuất trong nước, nhất là nông, lâm, thủy sản còn rất lạc hậu, manh mún, chất lượng hàng hóa không ổn định, lúc khan hiếm, lúc dư thừa... Tình trạng phổ biến hiện nay là người sản xuất không quyết định được giá bán mà phụ thuộc chủ yếu vào thương lái, nhà buôn nên chi phí thường bị đẩy lên cao do đi qua quá nhiều khâu trung gian. Bởi vậy, nông dân, nhà sản xuất không có động lực để phát triển một cách bền vững, còn người tiêu dùng chịu nhiều thiệt thòi vì phải mua sản phẩm với giá cao. Chủ tịch Hiệp hội Siêu thị Hà Nội nhận định: “Hầu hết người tiêu dùng đều chưa hài lòng với cách phân phối bán lẻ hiện nay” và đặt câu hỏi: Ngành công nghiệp bán lẻ có thể phát triển được không khi dựa trên một nền sản xuất thấp kém, không có chuỗi sản xuất bán lẻ lớn mạnh?

Dưới góc độ của một nhà sản

xuất, ông Phạm Ngọc Thành, Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn phát triển và Thương mại Phúc Lâm cho biết, trong quá trình kết nối thị trường, người nông dân rất mong muốn được tiêu thụ sản phẩm của mình nhưng từ mong muốn đến thực hiện vẫn còn khoảng cách khá



xa. Do sản xuất còn manh mún và thời vụ nên nhiều sản phẩm có chất lượng không đồng đều. Trong khi đó, hàng hóa muốn vào siêu thị phải đáp ứng một loạt các tiêu chí từ nguồn gốc xuất xứ, chứng nhận sản phẩm, đăng ký nhãn hiệu đến chứng nhận an toàn thực phẩm... Đây là vấn đề rất khó khăn với bà con nông dân. Một số sản phẩm nổi tiếng và chất lượng cao nhưng chưa qua chỉ dẫn địa lý, chưa quảng bá sản phẩm trên thị trường thì rất khó tiêu thụ.

Đồng quan điểm trên, GS.TS Nguyễn Mai, Chủ tịch VAFIE nhận định, thời gian qua chúng ta

đã chứng kiến thực trạng được mùa rớt giá thường xuyên diễn ra đối với một số mặt hàng nông sản, thủy sản trong nước. Mặc dù đã có sự vào cuộc của các bộ, ngành, các nhóm tình nguyện viên giúp nông dân tiêu thụ sản phẩm, nhưng điều này càng bộc lộ rõ hơn khiếm khuyết trong cả sản xuất và phân phối hàng hóa. Việc mở cửa thị trường khi hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN cuối năm nay và giảm thuế phần lớn hàng hóa nhập khẩu xuống còn 0% vào 2018 là cơ hội lớn nhưng cũng sẽ là thách thức đối với các doanh nghiệp trong nước. Nếu không

có sự điều chỉnh chiến lược kinh doanh, không thiết lập tốt hơn quan hệ phân công và hợp tác trong từng ngành theo chiều dọc từ sản xuất đến siêu thị, mạng lưới bán lẻ và theo chiều ngang giữa các doanh nghiệp trong từng loại sản phẩm... thì hàng hóa trong nước khó có thể đứng vững ngay tại sân nhà.

Siêu thị xây rào cản với hàng Việt

Tại Hội thảo “Tự hào hàng Việt Nam kết nối chuỗi cung ứng hàng hóa từ sản xuất tới siêu thị” diễn ra ngày 31/7, ông Nguyễn Hồ Nguyên, Tổng Giám đốc Công ty Thủy sản Lenger Việt Nam cho biết, có rất nhiều rào cản để hàng Việt vào siêu thị. Người nông dân và nhà sản xuất đã rất kỹ lưỡng để lựa chọn hàng tươi ngon đưa vào siêu thị nhưng khi vào siêu thị, các nhân viên “tung, hứng” không thương tiếc khiến sản phẩm không còn tươi ngon, gây trở ngại cho nhà cung cấp và người sản xuất. Hay như chính công ty ông khi đưa hàng vào các siêu thị cũng gặp trở ngại do mức chiết khấu của siêu thị khá cao: “Khi tiếp cận với các siêu thị ở TP. Hồ Chí Minh, chúng tôi mất 15% chiết khấu cho siêu thị. Ví dụ, giá bán lẻ 40.000 đồng/kg ngao, chúng tôi phải chiết khấu cho siêu thị 6.000 đồng/kg và lợi nhuận công ty thu được chỉ 500-1.000 đồng/kg ngao”...

Với vai trò là Chủ tịch Hiệp hội Siêu thị Hà Nội, ông Vũ Vinh Phú thừa nhận, do sản xuất trong nước manh mún nên rất nhiều sản phẩm ngon, sạch, đẹp không vào được siêu thị vì không có VAT, mã vạch, mã số...



Ông cũng đề nghị những siêu thị nào không làm vừa lòng các nhà cung ứng phải xem lại về vấn đề chiết khấu, hoa hồng, phí tạo mã. Các siêu thị phải phát triển chuỗi sản xuất và chuỗi siêu thị, làm tăng khối lượng mua, tạo điều kiện để nhà cung ứng thúc đẩy phát triển sản xuất quy mô lớn. Chỉ ra những khó khăn trong chuỗi kết nối cung ứng từ sản xuất tới siêu thị, ông Phú phân tích: Các nước chỉ có 2-3 tác nhân trung gian nhưng Việt Nam có tới 5-7 khâu trung gian. Hoàng Anh Gia Lai chỉ bán 5.000 đồng/kg đường trong khi thị trường bán lẻ là 21.000 đồng vậy mà Hiệp hội Mía đường vẫn phản đối không cho nhập về. Đó là điều hết sức vô lý. “Trung gian 5 đến 7 cầu thì còn gì là hàng hóa. Giá cả bị đẩy lên, người sản xuất không có gì còn người tiêu dùng phải chịu giá đắt. Phải cởi được nút này mới giải quyết được chuỗi sản xuất hàng hóa và siêu thị”.

Theo báo cáo của Bộ Công Thương, trong 6 tháng đầu năm 2015 về thực hiện Cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam có 93% người tiêu dùng đã quan tâm và biết đến Cuộc vận động, 60% người tiêu dùng cam kết sẽ sử dụng hàng Việt Nam, 54% người tiêu dùng khuyến khích người thân dùng hàng Việt Nam. Hàng Việt đã có vị thế trên kệ hàng các siêu thị, tuy nhiên, còn rất nhiều doanh nghiệp muốn kết nối đưa sản phẩm, nhất là nhóm nông, lâm, thủy sản mang tính đặc trưng vùng miền địa phương vào siêu thị gặp khó khăn do thiếu một quy trình mang tính bài bản.

Để hàng Việt được rộng cửa đi vào siêu thị

Trước thực tế trên, để hàng Việt có sức lan tỏa mạnh mẽ hơn nữa, ông Vũ Vinh Phú đề xuất: Nhà nước phải tổ chức các vùng sản xuất theo quy trình VI-ETGAP và cấp chứng chỉ cho sản phẩm để từ đó xây dựng thương hiệu, đồng thời tạo ra nhiều hành lang pháp lý cho doanh nghiệp kết nối với người nông dân nhằm bao tiêu sản phẩm, hướng dẫn quy cách đóng gói bao bì và có địa chỉ của người chịu trách nhiệm về hàng hóa đó. Nhà nước phải xây dựng thêm luật, nhất là luật bán lẻ, luật cạnh tranh phải rõ ràng. Bên cạnh đó, Chủ tịch Hiệp hội Siêu thị Hà Nội cũng cho rằng, marketing hiện đại không phải bằng hàng hóa ồ ạt, đa dạng mà còn là marketing về mặt quan hệ văn hóa, phải sản xuất những cái thị trường cần. Để hàng Việt tiếp cận với người tiêu dùng, cần có văn hóa kinh doanh, trách nhiệm với khách hàng, không phải “mua rồi miễn đổi trả lại”. Hơn nữa, cần phải quy hoạch lại đầu là siêu thị, trung tâm phân phối, chợ đầu mối. Siêu thị là kênh văn minh nhưng đối tượng vào siêu thị vẫn được coi là người giàu. Nếu còn nhiều người không dám vào siêu thị thì hàng Việt cũng sẽ không có cách nào để bán hết.

Với tư cách là một nhà bán lẻ, Ông Nguyễn Thái Dũng, Phó Tổng giám đốc hệ thống siêu thị BigC đánh giá, hàng Việt đã có nhiều cải thiện nhưng nếu sản xuất những mặt hàng không đáp ứng được nhu cầu của khách hàng về mẫu mã, chất lượng, giá cả thì sẽ thất bại. Để đẩy

mạnh tiêu dùng hàng Việt, bản thân các nhà sản xuất và các nhà bán lẻ phải tích cực xâm nhập thị trường. BigC có hệ thống bán lẻ trên toàn quốc với số lượng hàng hóa tiêu thụ lớn và đang tập trung đưa ra các nhãn hàng riêng có giá rẻ hơn 30-50% sản phẩm cùng loại. Lý do giá rẻ được ông Dũng chỉ ra là: các doanh nghiệp chủ động sản xuất, không mất chi phí trung gian bán hàng nên tiết kiệm được nhiều chi phí đến tay người tiêu dùng, giảm thiểu tối đa “ma sát” từ nơi sản xuất đến tiêu dùng. Trước một số ý kiến cho rằng đưa hàng vào BigC khó, ông Dũng khẳng định: điều đó không hề khó nếu các nhà sản xuất tuân thủ nghiêm ngặt tiêu chuẩn chất lượng, số lượng hàng hóa.

Sở dĩ thời gian gần đây, các chuyên gia nhấn mạnh nhiều hơn tới tầm quan trọng của chuỗi liên kết bền vững giữa sản xuất và tiêu thụ là bởi sự gắn kết vẫn vô cùng lỏng lẻo, rời rạc, tình hình ngày càng đáng báo động. GS.TS Nguyễn Mại nhấn mạnh, cần làm tốt công tác quy hoạch sản xuất từ trung ương đến địa phương theo nhu cầu của thị trường, đặc biệt là theo nhu cầu mà khâu bán lẻ phản ánh lại với sản xuất. Sản xuất phải sạch, năng suất ngày càng cao, giá cả cạnh tranh ở thị trường nội địa, từng bước vươn lên xuất khẩu. Để làm được điều này, Nhà nước cần có những chính sách đẩy mạnh xuất khẩu đi các nước, cũng như tổ chức lại sản xuất một cách bền vững và hiệu quả, đi đôi với việc phát triển của hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ trong toàn quốc.■



KIỂM TOÁN TRÁCH NHIỆM KINH TẾ

LTS. Gần 3.000 cán bộ lãnh đạo trên toàn quốc bị chuyển sang Tòa án, Viện Kiểm sát để xử lý; Căn cứ vào kết quả kiểm toán, các bộ, ngành hữu quan đã tiến hành xử phạt thích đáng đối với 890 cán bộ chủ chốt... là các con số ấn tượng mà Kiểm toán Quốc gia Trung Quốc đã thực hiện. Kiểm toán trách nhiệm kinh tế ở Trung Quốc được coi là một điểm đặc biệt chưa từng có trong lịch sử phát triển kiểm toán quốc tế. Hiện nay, nó trở thành bộ phận cấu thành quan trọng trong hệ thống giám sát và kiểm soát thực thi quyền lực của Trung Quốc, đồng thời là chế định quan trọng trong phòng, chống và xử phạt tham nhũng, phát huy vai trò to lớn trong việc thúc đẩy cán bộ lãnh đạo tuân thủ kỷ luật, pháp luật.

Ở Việt Nam, kiểm toán trách nhiệm kinh tế được hiểu như kiểm toán trách nhiệm người đứng đầu, cũng là vấn đề đang rất được quan tâm. Do vậy, Hội thảo song phương giữa Kiểm toán Nhà nước Việt Nam và Kiểm toán Quốc gia Trung Quốc về “Kiểm toán trách nhiệm kinh tế và vai trò của cơ quan Kiểm toán nhà nước trong phòng, chống tham nhũng” được tổ chức ngày 22/7 vừa qua, là dịp để hai bên cùng chia sẻ kinh nghiệm, đồng thời là cơ hội quý báu để Việt Nam tham khảo kinh nghiệm của Trung Quốc trong kiểm toán trách nhiệm người đứng đầu. **Đặc san Kiểm toán** xin trân trọng trích đăng một số tham luận tại Hội thảo để gửi tới bạn đọc.

Kiểm toán trách nhiệm kinh tế Trung Quốc- Cơ chế, hiện trạng và kinh nghiệm



**SUN XIAOYAN - Vụ trưởng Vụ Kiểm toán trách nhiệm kinh tế
Kiểm toán Quốc gia Trung Quốc**

Kiểm toán trách nhiệm kinh tế ở Trung Quốc là một điểm đặc biệt chưa từng có trong lịch sử phát triển kiểm toán quốc tế. Vì vậy, đây là một cống hiến to lớn của Kiểm toán Quốc gia Trung Quốc đối với thế giới trong lĩnh vực kiểm toán. Hiện nay, kiểm toán trách nhiệm kinh tế đang trở thành nhiệm vụ pháp định quan trọng của cơ quan Kiểm toán Quốc gia Trung Quốc trong toàn quốc.

Ở đây có hai khái niệm:

Thứ nhất, trách nhiệm kinh tế là gì? Trách nhiệm kinh tế là chỉ nghĩa vụ và chức trách của người lãnh đạo đơn vị được kiểm toán dựa trên chức vụ đặc biệt của mình để thực hiện đúng việc quản lý và sử dụng nguồn vốn tài chính công, tài sản quốc gia, nguồn vốn quốc gia, nguồn vốn xã hội có liên quan và các hoạt động kinh tế khác.

Thứ hai, thế nào là kiểm toán trách nhiệm kinh tế? Kiểm toán trách nhiệm kinh tế là chỉ hoạt động của cơ quan kiểm toán dựa vào quy định pháp luật tiến hành giám sát, đánh giá, thẩm định tình hình thực hiện trách nhiệm kinh tế của người phụ trách doanh nghiệp cổ phần quốc doanh, doanh nghiệp nhà nước và những người phụ trách chính trong cơ quan Chính phủ và ban ngành khác. Như vậy, chúng ta có thể thấy rằng, không giống với các đơn vị kiểm toán lấy “đơn vị” làm đối tượng kiểm toán, đối tượng kiểm toán trách nhiệm kinh tế chủ yếu là “con người”. Chính vì vậy, ở đây sẽ tồn tại những khác biệt trên các lĩnh vực mục tiêu, phạm vi, mô hình tổ chức quản lý, phương pháp đánh giá và kết quả vận dụng giữa kiểm toán trách nhiệm kinh tế và kiểm toán thống kê.

Cơ chế công tác của kiểm toán trách nhiệm kinh tế Trung Quốc

Năm 1999, từ khi cơ quan Kiểm toán Quốc gia Trung Quốc chính thức triển khai công tác kiểm toán trách nhiệm kinh tế đến nay, chính quyền các

cấp xây dựng cơ chế quản lý tổ chức công tác tương ứng, tức là chế độ hội nghị liên tịch, đồng thời thành lập cơ cấu quản lý tổ chức tương ứng. Cán bộ lãnh đạo chủ chốt của chính quyền nhiều địa phương đảm nhận vai trò Trưởng tiểu ban lãnh đạo hoặc người được triệu tập trong hội nghị liên tịch, thành viên chủ yếu là do các ngành kiểm tra, giám sát kỷ luật, tổ chức nhân sự, biên chế quản lý, kiểm toán, quản lý giám sát tài sản quốc doanh hợp thành, phụ trách nghiên cứu, xây dựng chính sách và chế độ kiểm toán trách nhiệm kinh tế hữu quan, kiểm tra giám sát, giao lưu và báo cáo tình hình triển khai công tác kiểm toán trách nhiệm kinh tế, phối hợp giải quyết các vấn đề có liên quan.

Trách nhiệm chính của các bộ, ngành trong hội nghị liên tịch là:

Cơ quan kiểm tra giám sát kỷ luật chủ yếu phụ trách thụ lý và điều tra các manh mối vấn đề vi phạm kỷ luật pháp luật nghiêm trọng do kiểm toán chuyển sang trên cơ sở pháp luật; tiến hành điều tra các vấn đề có tính xu hướng, phổ biến và điển hình do kết quả kiểm toán phản ánh.

Trách nhiệm chính của bộ, ngành liên quan đến tổ chức là đưa kiểm toán trách nhiệm kinh tế hòa vào hệ thống giám sát quản lý cán bộ; căn cứ vào kết quả kiểm toán đưa ra hình thức xử lý đối với cán bộ lãnh đạo và các nhân viên hữu quan; đưa báo cáo kết quả kiểm toán trách nhiệm kinh tế vào hồ sơ cá nhân cán bộ lãnh đạo này, làm căn cứ quan trọng để sát hạch, miễn bổ nhiệm, thưởng phạt; tiến hành nghiên cứu các vấn đề có tính trào lưu, phổ biến và điển hình trên cơ sở kết quả kiểm toán.

Các bộ, ngành bảo đảm nguồn nhân lực tiến hành các công việc liên quan như sát hạch, miễn bổ nhiệm, thưởng phạt những cán bộ lãnh đạo, các nhân viên hữu quan bị kiểm toán; tiến hành nghiên cứu kịp thời các vấn đề có tính xu hướng, phổ biến, điển hình do kết quả kiểm toán phản ánh, coi đó là



cơ sở tham khảo để áp dụng các biện pháp liên quan, hoàn thiện quy định chế độ.

Bộ, ngành quản lý giám sát tài sản nhà nước chịu trách nhiệm đem kiểm toán trách nhiệm kinh tế nhập vào hệ thống giám sát quản lý cán bộ lãnh đạo doanh nghiệp nhà nước; lấy kết quả kiểm toán làm căn cứ quan trọng để bình xét thành tích kinh doanh của doanh nghiệp cũng như tiến thành sát hạch, thưởng phạt, miễn bổ nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo được kiểm toán; sử dụng hiệu quả kết quả kiểm toán vào trong quá trình quản lý giám sát, cải cách và xử lý tài sản doanh nghiệp nhà nước; đốc thúc thực hiện yêu cầu quyết định kiểm toán; tiến hành nghiên cứu kịp thời các vấn đề có tính xu hướng, phổ biến, điển hình mà kiểm toán phát hiện ra để điều chỉnh sửa đổi.

Hiện trạng kiểm toán trách nhiệm kinh tế

Một là, phạm vi kiểm toán phủ khắp.

Trước hết, từ góc độ cấp bậc của các đối tượng kiểm toán, phạm vi được phủ đến các cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh như Bí thư, Chủ tịch tỉnh, trưởng các sở ban ngành. Với cấp dưới sẽ kiểm toán đến bí thư chi bộ xã, trưởng thôn, xã, thị trấn....

Từ góc độ vị trí công tác, đối tượng được kiểm toán bao gồm lãnh đạo các cơ quan giám sát, cơ quan thẩm phán, chính quyền và đảng ủy địa phương, các cán bộ lãnh đạo đương chức trong các tổ chức nhân dân, đơn vị sự nghiệp như các trường cao đẳng đại học, cơ quan ban ngành của Đảng và chính quyền các cấp từ trung ương đến địa phương, các Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc của tổ chức tài chính, doanh nghiệp nhà nước...

Từ góc độ tần suất kiểm toán, sẽ kiểm toán ít nhất một lần trong thời gian đương nhiệm đối với các cán bộ lãnh đạo nắm giữ nguồn vốn công, tài sản quốc gia, khối lượng lớn tài nguyên thiên nhiên quốc gia, có quyền quyết sách, thực thi và quản lý các vấn đề chính sách kinh tế quan trọng, có vị trí quan trọng trong quản lý dự án trọng điểm và các ngành trọng điểm.

Hai là, dần dần sâu sắc hóa nội dung kiểm toán.

Trên cơ sở kiểm toán tình hình thực tế, hợp pháp và hiệu quả trong việc thu chi ngân sách tài chính, căn cứ vào đặc điểm cương vị, quyền hạn chức trách của cán bộ lãnh đạo khác nhau để làm nổi bật trọng điểm kiểm toán. Đối với các cán bộ lãnh đạo Đảng và chính quyền, trọng điểm kiểm toán là kiểm tra,

giám sát tình hình gánh vác trách nhiệm quán triệt thực hiện giải pháp chính sách của Trung ương, phát triển kinh tế, tái cơ cấu, phòng chống và hóa giải rủi ro, bảo vệ môi trường, cải thiện đời sống nhân dân. Đối với cán bộ lãnh đạo các tổ chức tài chính và doanh nghiệp nhà nước, trọng điểm kiểm toán kiểm tra giám sát tình hình trách nhiệm gánh vác trong việc thực hiện giải pháp chính sách trung ương, quản lý kinh doanh, sáng tạo và chuyển đổi nâng cấp, quản lý và kiểm soát rủi ro và tài sản ở nước ngoài, phát triển bền vững, xây dựng bộ máy liêm khiết. Đồng thời, nghiêm túc tìm ra những vấn đề vi phạm nghiêm trọng kỷ luật pháp luật, lạm dụng chức quyền, đưa ra quyết sách sai trái gây tổn thất lãng phí, kê hờ trong quản lý kinh tế và các tác phong chậm chạp, chây ỳ, làm liều, thúc đẩy cán bộ lãnh đạo thực hiện chức trách nhiệm vụ theo pháp luật.

Ba là, nâng cao hiệu quả và hiệu lực kiểm toán.

Hiện nay, kiểm toán trách nhiệm kinh tế là một trong những nhiệm vụ công tác chính của tổ chức kiểm toán nội bộ và cơ quan Kiểm toán Quốc gia Trung Quốc. Số lượng cuộc kiểm toán bình quân chiếm khoảng 40% toàn bộ số lượng cuộc kiểm toán, lượng công tác kiểm toán bình quân chiếm trên 45% toàn bộ lượng công tác kiểm toán. Theo thống kê, từ năm 2008 trở lại đây, cơ quan Kiểm toán Quốc gia Trung Quốc trên cả nước đã tiến hành kiểm toán 220.000 lượt cán bộ lãnh đạo, trong đó, hơn 160 lượt lãnh đạo cấp tỉnh, 4600 lượt lãnh đạo cấp chánh văn phòng địa phương, hơn 50.000 lượt lãnh đạo cấp huyện, 170.000 lượt cấp xã phường. Cơ quan Kiểm toán Quốc gia Trung Quốc không ngừng tiến hành kiểm toán trách nhiệm kinh tế của người lãnh đạo doanh nghiệp trung ương và cán bộ lãnh đạo đảng chính quyền tỉnh các cấp. Trong 5 năm gần đây, cơ bản kiểm toán luân phiên một lượt đối với 31 tỉnh thành (khu tự trị, thành phố trực thuộc), 53 doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý. Qua kiểm toán, kiểm tra phát hiện 100 tỷ đồng tiền sai trái liên quan trách nhiệm trực tiếp của người lãnh đạo thuộc đơn vị được kiểm toán, có hơn 2580 người bị chuyển sang tòa án, viện kiểm sát để xử lý. Căn cứ vào kết quả kiểm toán, các bộ, ngành hữu quan đã tiến hành xử phạt thích đáng đối với 890 cán bộ phụ trách chủ chốt.

Kiểm toán trách nhiệm kinh tế đang thực sự phát huy vai trò không thể thay thế trong các lĩnh vực tăng cường vai trò giám sát, kiểm soát đối với việc

vận hành quyền lực, thúc đẩy xử lý, phòng chống tham nhũng, thúc đẩy hoàn thiện quản lý nhà nước.

Những kinh nghiệm chủ yếu của kiểm toán trách nhiệm kinh tế Trung Quốc

Mười lăm năm qua, cơ quan Kiểm toán Quốc gia Trung Quốc đã tích cực nghiên cứu, tích lũy được một số kinh nghiệm quý báu, có nhận thức sâu sắc hơn về quy luật phát triển của kiểm toán trách nhiệm kinh tế.

Một là, lịch sử phát triển kiểm toán trách nhiệm kinh tế Trung Quốc không thể tách rời khỏi sự quan tâm ủng hộ của Trung ương Đảng, Quốc vụ viện, và Đảng ủy địa phương các cấp. Quy định này đã được đưa ra trong Hội nghị Trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc lần thứ 4 khóa 16, Báo cáo Đại hội khóa 17, Nghị quyết Hội nghị Đại biểu Trung ương toàn quốc lần thứ 4 khóa 18. Lãnh đạo Trung ương các thời kỳ khác nhau đã có chỉ thị quan trọng, các chính quyền, đảng ủy địa phương đã đưa kiểm toán trách nhiệm kinh tế vào chương trình nghị sự lớn. Thực tiễn chứng minh, nếu không có sự lãnh đạo và ủng hộ mạnh mẽ của lãnh đạo Đảng, chính quyền, các cấp, thì công tác kiểm toán trách nhiệm kinh tế mà trọng tâm là kiểm toán các cán bộ lãnh đạo không thể triển khai.

Hai là, cần phải xây dựng, kiện toàn cơ cấu tổ chức quản lý vận hành trơn tru. Phía Trung ương đã tổ chức các hội nghị liên tịch công tác kiểm toán trách nhiệm kinh tế do Ủy ban Kiểm tra Trung ương, bộ ngành Trung ương, Văn phòng Tổ chức Trung ương, Bộ Tư pháp, Bộ Bảo hiểm xã hội và nguồn nhân lực, Ủy ban Kiểm toán, Ủy ban Đầu tư phát triển cấu thành. Đối với các tỉnh thành, 97% đến 99% các quận, huyện trong cả nước đã xây dựng hội nghị liên tịch kiểm toán trách nhiệm kinh tế và chế độ tiểu ban lãnh đạo, xây dựng cơ quan chuyên trách kiểm toán trách nhiệm kinh tế, hơn nửa các cơ quan chuyên trách thực hiện nâng cấp tổ chức hoặc sắp xếp nhân sự lãnh đạo cấp cao. Ủy ban Kiểm toán thành lập Vụ Kiểm toán trách nhiệm kinh tế, sáp nhập với Văn phòng hội nghị liên tịch Trung ương, Chủ nhiệm văn phòng tương đương cấp Thứ trưởng. Thực tiễn chứng minh, xây dựng được một tổ chức thống nhất, có lợi cho việc phát huy ưu thế của từng bên, tạo thành sức mạnh tổng hợp, bảo đảm tiến trình thuận lợi cho công tác kiểm toán trách nhiệm kinh tế.

Ba là, phải kết hợp chặt chẽ kiểm toán trách nhiệm kinh tế với kiểm toán chuyên ngành. Trong kiểm toán kinh tế, chúng ta chú ý đến kết quả kiểm toán chuyên ngành trong quá trình sử dụng tài chính, ngân hàng, doanh nghiệp tài nguyên môi trường, đồng thời tăng cường kiểm toán chuyên ngành kết hợp chặt chẽ về các phương diện sắp xếp kế hoạch, trọng điểm kiểm toán, điều phối nguồn lực. Bên cạnh đó, phải không ngừng đổi mới và cải tiến phương thức kiểm toán trách nhiệm kinh tế, kết hợp giữa kiểm toán rời nhiệm và kiểm toán trong thời gian nhậm chức, tiến hành kiểm toán đồng bộ trách nhiệm kinh tế của cán bộ lãnh đạo Chính phủ và các cấp ủy đảng; có địa phương đã tiến thành kế hoạch phân loại quản lý đối với các đối tượng được kiểm toán, thử nghiệm lần lượt xây dựng các chỉ số bình xét đối với cán bộ lãnh đạo các cấp thuộc các thành phần khác nhau. Thực tiễn cho thấy, sự kết hợp chặt chẽ giữa kiểm toán trách nhiệm kinh tế với kiểm toán chuyên ngành là biện pháp hữu hiệu nâng cao hiệu suất kiểm toán, bảo đảm chất lượng kiểm toán.

Bốn là, cần phải xây dựng, kiện toàn cơ chế sử dụng kết quả kiểm toán. Hiện nay, cả nước đã xây dựng được hơn 2200 điều khoản chế độ sử dụng kết quả kiểm toán trách nhiệm kinh tế, bao gồm chế độ cảnh báo, truy cứu trách nhiệm, giao thoa dự án kinh tế, nhân sự khi rời nhiệm và ghi chép hồ sơ. Có nơi đã đem kết quả kiểm toán áp dụng rộng rãi vào cơ chế ban hành chính sách kinh tế quan trọng, miễn bổ nhiệm nhân sự trọng yếu, xử lý các vụ án trọng điểm và cơ chế xử lý, tăng cường hơn nữa hiệu quả năng suất kiểm toán trách nhiệm kinh tế. Thực tế cho thấy, áp dụng đầy đủ kết quả kiểm toán trách nhiệm kinh tế là biện pháp quan trọng để phòng chống đề bạt các cán bộ yếu kém vào các vị trí quan trọng.

Năm là, cần phải tăng cường xây dựng việc chuẩn hóa và pháp chế hóa. Hiện nay, khung pháp lý của kiểm toán trách nhiệm kinh tế Trung Quốc bao gồm Luật Kiểm toán, Quy định của hai Văn phòng Trung ương và Quốc vụ viện. Các thông tư hướng dẫn đã xây dựng xong, toàn quốc đã xây dựng được hơn 12.000 điều khoản chế độ pháp quy kiểm toán trách nhiệm kinh tế, Ủy ban Kiểm toán đang tiến hành nghiên cứu xây dựng Hướng dẫn kiểm toán trách nhiệm kinh tế và các chế độ đơn hạng và giải pháp khác trong quản lý kế hoạch, công tác kiểm toán trách nhiệm kinh tế từng bước được tiếp cận quỹ đạo pháp chế hóa và chuẩn hóa.■



Kiểm toán trách nhiệm kinh tế của người phụ trách chủ chốt trong các doanh nghiệp nhà nước và lãnh đạo Chính phủ

 **LIU XIAOLI - Hàm Vụ trưởng, Vụ Kiểm toán doanh nghiệp**
Kiểm toán Quốc gia Trung Quốc

Phát huy vai trò kiểm toán trách nhiệm kinh tế nhà nước

30 năm trở lại đây, tại cơ quan Kiểm toán Quốc gia Trung Quốc, chế độ kiểm toán trách nhiệm kinh tế không ngừng được hoàn thiện, tiến độ công tác được đẩy nhanh, trở thành bộ phận cấu thành quan trọng trong hệ thống giám sát và kiểm soát thực thi quyền lực của Trung Quốc, trở thành chế định quan trọng trong việc phòng chống và xử phạt tham nhũng, phát huy vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy cán bộ lãnh đạo tuân thủ kỷ luật, pháp luật, thực thi trách nhiệm, hành chính chấp pháp, liêm khiết, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ nhất, thông qua việc phát hiện và điều tra các vấn đề vi phạm kỷ luật, pháp luật, các vụ án tham nhũng nghiêm trọng, xúc tiến chế độ tự chịu trách nhiệm, có tác dụng răn đe khiến cho những cán bộ lãnh đạo và các viên chức nhà nước không dám vi phạm. Trong kiểm toán, cần nắm chắc các khâu quan trọng như: các hạng mục xây dựng trọng điểm, chuyển nhượng tài nguyên khoáng sản và đất đai số lượng lớn, quản lý tài sản quốc gia, chú trọng các hạng mục, sự việc như tìm ra

các manh mối trong vi phạm kỷ luật, pháp luật nghiêm trọng, các hành vi lạm dụng chức quyền, các quyết sách sai trái nghiêm trọng, nắm bắt quy luật phát sinh các vấn đề vi phạm kỷ luật pháp luật nghiêm trọng, đi sâu điều tra chứng cứ, phát hiện và xử lý hiệu quả, chính xác các vụ việc tham nhũng nghiêm trọng.

Thứ hai, thông qua phát hiện các vấn đề có tính cơ chế thể chế, khe hở pháp luật tiềm ẩn, thúc đẩy cải tiến quản lý và đổi mới chế độ. Trong quá trình kiểm toán, nên cố gắng phát hiện rủi ro tiềm ẩn và các tai họa tiềm tàng trong quản lý, song song cạnh đó, phải chú ý đến các vấn đề nghiêm trọng xảy ra theo phong trào. Từ nhiều góc độ điều tra, nghiên cứu phân tích nguyên nhân phát sinh vấn đề, đưa ra các kiến nghị và ý kiến chuẩn hóa quản lý, kiện toàn chế độ, hoàn thiện cơ chế, kịp thời dập tắt các vấn đề vi phạm nghiêm trọng kỷ luật, pháp luật đang nhen nhóm, thúc tiến xóa bỏ đất đai do người có quyền lực cho thuê ngay từ nguồn gốc góp phần, phòng chống tham nhũng hiệu quả.

Thứ ba, thông qua đánh giá và giám sát tình hình thực hiện chức trách kinh tế của cán bộ lãnh đạo,

hướng dẫn và động viên thực hiện đúng chức trách, làm cho những cán bộ lãnh đạo và viên chức nhà nước không dám vi phạm. Trong quá trình kiểm toán, không chỉ gia tăng mức độ điều tra xét xử đối với các vụ án tham nhũng và những người có liên quan, đồng thời phải có những nhìn nhận khách quan, đánh giá thực sự cầu thị trong việc thực thi trách nhiệm và thực thi quyền lực trong thời gian nhậm chức, chỉ rõ đúng sai, giúp cho việc đề bạt và khen thưởng những cán bộ lãnh đạo được kiểm toán một cách chính xác.

Thứ tư, tập trung điều tra các hành vi lười biếng, chây ì, chậm chạp, vô tổ chức gây ra lãng phí tổn thất của cán bộ lãnh đạo, cần thường xuyên nhắc nhở cần kiệm liêm chính, để những cán bộ lãnh đạo và viên chức nhà nước được kiểm toán nghiêm túc chấp hành. Cán bộ lãnh đạo không thực thi trách nhiệm sẽ dẫn đến các chính sách của Nhà nước không được thực hiện, hoặc thực hiện không đến nơi đến chốn, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội. Đó là hành vi vô trách nhiệm đối với người dân và đất nước, cũng là một sự biến tướng của tham nhũng. Trong quá trình kiểm toán, còn cần phải tập trung phản

ánh những hành vi lạm chức lạm quyền của cán bộ lãnh đạo được kiểm toán, từ đó gây ra ảnh hưởng và tổn thất nghiêm trọng đối với quốc gia và xã hội, cổ vũ cán bộ lãnh đạo thực hiện hết chức trách, hành động hiệu quả, thiết thực, ngăn chặn tham ô ngay trong tư tưởng và hành động của cán bộ lãnh đạo và viên chức nhà nước được kiểm toán.

Một số suy nghĩ trong việc sâu sắc hóa hơn nữa kiểm toán trách nhiệm kinh tế

Nhìn tổng thể, công tác kiểm toán trách nhiệm kinh tế ở Trung Quốc đã tích cực thúc đẩy, không ngừng đi sâu, phát huy hiệu quả vai trò kiểm toán, giám sát. Nhưng công việc này phát triển chưa cân đối, vẫn còn tồn tại một số vấn đề khó khăn, cần phải được khắc phục và nâng cao hơn nữa:

Một là, tập trung định vị chính xác, nghiên cứu thực hiện kiểm toán phân loại. Đối tượng kiểm toán trách nhiệm kinh tế theo chiều ngang sẽ là cán bộ lãnh đạo trong các đơn vị sự nghiệp, tư pháp, Chính phủ và đảng ủy; theo chiều dọc sẽ là cán bộ lãnh đạo các cấp từ xã đến tỉnh. Phạm vi và phương thức thực hiện trách nhiệm kinh tế của cán bộ lãnh đạo giữa các đơn vị, bộ ngành, khu vực khác nhau có độ chênh lệch lớn, đây là thách thức rất lớn đối với công tác kiểm toán trách nhiệm kinh tế. Trước mắt, chúng tôi đang tập trung nghiên cứu phân loại, nội dung và trọng điểm kiểm toán đối với các cán bộ lãnh đạo đang nắm giữ các cương vị có tính chất khác nhau, đòi hỏi phạm vi kiểm toán phải chính xác hơn,

trọng điểm phải nổi bật hơn, hiệu suất phải được nâng cao hơn.

Hai là, hiện nay, còn thiếu những tiêu chuẩn và phương pháp chi tiết thống nhất, như: căn cứ vào đâu để đánh giá, mức độ đánh giá đến đâu đối với việc thực hiện trách nhiệm kinh tế của cán bộ lãnh đạo, làm thế nào để giới hạn được các loại trách nhiệm tương ứng mà cán bộ lãnh đạo cần phải thực hiện.... Chúng ta cần có quy phạm căn cứ, chỉ số và tiêu chuẩn đánh giá, hoàn thiện hơn nữa hệ thống kiểm toán đánh giá.

Trước tiên, phải kiên trì sự thống nhất giữa tính độc lập, tính khách quan, tính chính xác và tính toàn diện, nắm chắc nguyên tắc đánh giá:

Thứ nhất, phải làm nổi bật những đánh giá các hạng mục kinh tế có ảnh hưởng quan trọng đối với trách nhiệm kinh tế cần thực thi của cán bộ lãnh đạo được kiểm toán, làm rõ quá trình và tính hiệu quả của việc đánh giá đối với các quyết sách quan trọng, làm rõ đánh giá những hạng mục liên quan trực tiếp trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo, nắm bắt chính xác trọng điểm đánh giá, nâng cao một cách thiết thực tính định hướng và tính khoa học của đánh giá kiểm toán trách nhiệm kinh tế.

Thứ hai, phải tập trung nâng cao chất lượng kiểm toán và tích cực thúc đẩy sử dụng kết quả kiểm toán. Kết quả kiểm toán này được sử dụng hiệu quả như thế nào hoàn toàn phụ thuộc vào việc kiểm toán trách nhiệm kinh tế có phát huy đầy đủ vai trò của mình hay không. Với thực tế tại Trung Quốc, việc vận dụng kết quả kiểm toán trách nhiệm kinh

tế còn chưa thực sự cân đối, một số địa phương còn chưa kết nối hiệu quả giữa kết quả kiểm toán trách nhiệm kinh tế với công tác quản lý cán bộ,... Hạn chế này liên quan đến vấn đề kết quả kiểm toán chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu của người sử dụng. Vì thế, Cơ quan Kiểm toán Quốc gia Trung Quốc đang cố gắng nâng cao trình độ và chất lượng kiểm toán, thúc đẩy hơn nữa việc vận dụng kết quả kiểm toán trách nhiệm kinh tế. Mục tiêu của việc nâng cao chất lượng và hiệu quả của kiểm toán trách nhiệm kinh tế là đảm bảo kết quả phải sử dụng được.

Thông qua việc nâng cao tính ứng dụng của báo cáo kiểm toán, kết quả kiểm toán phải được sử dụng tiện lợi dễ dàng, đảm bảo hiệu quả, làm căn cứ quan trọng để đề bạt, sát hạch, thưởng phạt cán bộ lãnh đạo.

Thứ ba, tập trung tăng cường kiểm soát quyền lực, tích cực kiện toàn công tác truy cứu trách nhiệm. Kể từ khi được thành lập, chế độ kiểm toán trách nhiệm kinh tế đã xác định rõ việc tăng cường giám sát, kiểm soát thực thi quyền lực. Nhưng trước mắt, chúng tôi vẫn đang thiếu những quy chuẩn cụ thể trong việc làm thế nào để truy cứu trách nhiệm đối với các vấn đề có liên quan đến trách nhiệm tương ứng của cán bộ lãnh đạo khi kiểm toán trách nhiệm kinh tế phát hiện ra; chưa xây dựng chế độ truy cứu trách nhiệm gắn với kiểm toán trách nhiệm kinh tế.

Hiện, chúng tôi đang cố gắng thông qua Văn phòng Hội nghị liên tịch Trung ương, thúc đẩy các cơ quan ban ngành kiểm tra

(Xem tiếp trang 31)



Đánh giá trách nhiệm kinh tế của cán bộ lãnh đạo từ góc nhìn của Thanh tra Chính phủ



PHÍ NGỌC TUYẾN

Cục Phòng chống tham nhũng - Thanh tra Chính phủ

Một số vấn đề trách nhiệm kinh tế của cán bộ lãnh đạo

Việc thực hiện những chủ trương, chính sách, giải pháp về phòng chống tham nhũng trong thời gian qua đã mang lại những kết quả bước đầu quan trọng. Mặc dù vậy, tình hình tham nhũng vẫn chưa được kiểm soát, diễn biến phức tạp trên nhiều lĩnh vực (như công tác tổ chức cán bộ; quản lý, sử dụng đất đai; đầu tư xây dựng; quản lý doanh nghiệp nhà nước; quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước...) gây hậu quả xấu về nhiều mặt, làm giảm sút lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, tiềm ẩn các xung đột lợi ích, phản kháng về xã hội, làm tăng thêm khoảng cách giàu nghèo.

Một trong các nguyên nhân chủ yếu của tình hình trên là ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức thấp; chế độ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân chưa hạn chế cơ hội phát sinh tham nhũng. Vì vậy, một trong các nội dung sửa đổi toàn diện Luật Phòng, chống tham nhũng trong thời gian tới là tăng cường chế độ trách nhiệm của cơ quan, đơn vị và của cán bộ, công chức, viên chức.

Trách nhiệm có thể hiểu theo nghĩa chung nhất là ý thức và thực hiện tốt những việc, nhiệm vụ được giao cho, nếu kết quả thực hiện không tốt thì phải gánh chịu

hậu quả. Theo cách hiểu này, chế độ trách nhiệm trong các trường hợp cụ thể phải trả lời hoặc lý giải những câu hỏi sau: ai chịu trách nhiệm, chịu trách nhiệm với ai, trách nhiệm về cái gì, cơ chế đánh giá trách nhiệm như thế nào, ai đánh giá trách nhiệm, hậu quả gì nếu kết quả thực hiện trách nhiệm không tốt?...

Bên cạnh trách nhiệm chính trị, trách nhiệm pháp lý, trách nhiệm hành chính, trách nhiệm kỷ luật, trách nhiệm hình sự ... được đề cập trong nghiên cứu thiết lập đầy đủ chế độ trách nhiệm nhằm ngăn ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng thì trách nhiệm kinh tế của cán bộ, công chức cũng cần được đề cập một cách thỏa đáng. Thực tế, trách nhiệm kinh tế của cán bộ, công chức nói chung, của cán bộ lãnh đạo nói riêng là một vấn đề chưa thực sự được đề cập một cách thấu đáo về khía cạnh pháp lý và cũng như thực tế đánh giá, xử lý trách nhiệm cán bộ, công chức nói chung, của cán bộ lãnh đạo nói riêng ở nước ta.

Tại hội thảo này, tôi xin nêu một số ý kiến khi đề cập tới vấn đề trách nhiệm kinh tế của cán bộ lãnh đạo:

- Trước hết, cần làm rõ phạm vi “cán bộ lãnh đạo” chỉ bao gồm các cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc

theo quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng thì “cán bộ lãnh đạo” là “người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị”. Cách hiểu này cho thấy “cán bộ lãnh đạo” có rất nhiều loại khác nhau: theo thẩm quyền, theo phạm vi, theo lĩnh vực được giao nhiệm vụ, theo tiêu chí kinh tế...

- Trách nhiệm kinh tế bao hàm trách nhiệm quản lý, sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực kinh tế để thực hiện nhiệm vụ được giao. Trong lĩnh vực kinh doanh, trách nhiệm kinh tế sẽ được hiểu là trách nhiệm làm cho tăng trưởng vốn, tài sản. Trong lĩnh vực quản lý nhà nước về kinh tế, trách nhiệm kinh tế được hiểu là trách nhiệm trong việc nghiên cứu, ban hành chính sách nhằm quản lý, sử dụng một cách có hiệu quả nhất nguồn lực của đất nước để phát triển kinh tế. Trong lĩnh vực phi kinh tế (văn hóa, giáo dục, an ninh, quốc phòng...), trách nhiệm kinh tế có thể hiểu là sử dụng hiệu quả nhất có thể nguồn lực kinh tế như nhân lực, ngân sách, đất đai, tài nguyên... để thực hiện mục tiêu được giao.

- Trách nhiệm kinh tế của cán bộ lãnh đạo là trách nhiệm cá nhân cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Nếu việc thực hiện trách nhiệm kinh tế không tốt thì cá nhân lãnh đạo phải chịu trách nhiệm đối với những thiệt hại kinh tế

mà việc thực hiện nhiệm vụ của mình gây ra.

Như vậy, để tăng cường trách nhiệm kinh tế, cần thiết phải thiết lập chế độ trách nhiệm kinh tế bao gồm các quy định (pháp luật) xác định rõ trách nhiệm kinh tế của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước, hệ thống quy định nhằm đảm bảo cá thể hóa trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với từng vị trí lãnh đạo, quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị; hệ thống tiêu chuẩn làm cơ sở để đánh giá mức độ thực hiện trách nhiệm kinh tế của tổ chức, cá nhân là tốt, hay xấu; cơ chế đánh giá và chế tài nếu để xảy ra kết quả xấu.

Thực trạng chế độ trách nhiệm kinh tế ở nước ta hiện nay còn nhiều vấn đề cần được nghiên cứu sửa đổi. Trong hầu hết các văn bản quy phạm pháp luật, chỉ xác định được trách nhiệm kinh tế của tổ chức, các trách nhiệm kinh tế của cá nhân rất ít được chú ý. Ngoại trừ người phạm tội bị xử lý hình sự phải bồi thường một phần thiệt hại do hành vi phạm tội theo phán quyết của tòa án. Luật Cán bộ, công chức không chế tài việc bồi thường vật chất đối với thiệt hại kinh tế do hành vi thực hành công vụ mà cán bộ, công chức gây ra, trường hợp này cán bộ, công chức chỉ phải chịu trách nhiệm kỷ luật. Luật Lao động, Luật Viên chức chỉ quy định người lao động, viên chức phải bồi thường vật chất đối với thiệt hại về kinh tế do hoạt động của viên chức, người lao động gây ra. Một số quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng

phí có một số quy định nhằm cá thể hóa trách nhiệm bồi thường vật chất như các trường hợp sử dụng sai mục đích tài sản nhà nước, vượt chế độ, định mức, tiêu chuẩn v.v.. nhưng việc thực hiện vẫn còn rất hạn chế. Đánh giá trách nhiệm kinh tế của một chính sách được ban hành hay chậm ban hành ở nước ta hầu như chưa được đề cập đến.

Vai trò của Thanh tra Chính phủ trong đánh giá trách nhiệm kinh tế cán bộ lãnh đạo

Chức năng, nhiệm vụ của Thanh tra Chính phủ được quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành cho thấy, Thanh tra Chính phủ có vị trí trong việc đánh giá trách nhiệm kinh tế của cán bộ lãnh đạo như sau:

Một là, tham gia hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước nhằm tăng cường tính trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong đó có trách nhiệm kinh tế của cán bộ lãnh đạo.

Vị trí này xuất phát từ nhiệm vụ quản lý nhà nước về phòng, chống tham nhũng; trong đó có hoàn thiện các chính sách, pháp luật quản lý nhà nước minh bạch, trách nhiệm, hiệu quả, không tham nhũng. Vai trò này cũng xuất phát từ nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác thanh tra và trực tiếp tiến hành thanh tra theo thẩm quyền. Theo đó, mục tiêu của công tác thanh tra là phát hiện, đề xuất hoàn thiện chính sách, pháp luật về quản lý kinh tế - xã hội.

Hiện nay, Thanh tra Chính phủ đang được Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, Chính phủ giao rà soát, nghiên cứu đánh giá thực tiễn thực hiện các giải pháp

phòng, chống tham nhũng trong 10 năm qua để đề xuất sửa đổi toàn diện luật phòng, chống tham nhũng; trong đó, tăng cường tính trách nhiệm của tổ chức, cá nhân cả về pháp lý, kinh tế, chính trị là một hướng quan trọng.

Hai là, trực tiếp đánh giá trách nhiệm kinh tế của cán bộ lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trong phạm vi thẩm quyền.

Vị trí, vai trò này xuất phát từ nhiệm vụ trực tiếp thực hiện quyền thanh tra trong phạm vi thẩm quyền. Theo đó, có thể đánh giá trách nhiệm nói chung, trách nhiệm kinh tế của các cơ quan, đơn vị cấp bộ, cấp tỉnh quản lý trực tiếp; đánh giá trách nhiệm của lãnh đạo cấp bộ, cấp tỉnh và lãnh đạo đơn vị trực thuộc cấp bộ, cấp tỉnh.

Thực tiễn số liệu 2007-2014, Thanh tra Chính phủ đã triển khai 328 cuộc, phát hiện tổng giá trị sai phạm 94 ngàn tỷ đồng và 24 ngàn ha đất; kiến nghị thu về ngân sách 28 ngàn tỷ đồng và 2 ngàn ha đất. Kiến nghị chuyển cơ quan điều tra 56 vụ việc, xử lý kỷ luật hàng ngàn cán bộ.

Tuy nhiên, số liệu thu hồi về tiền, đất nêu trên mới là số thu hồi từ các cơ quan, đơn vị. Việc thu hồi từ trách nhiệm cá nhân hầu như không đáng kể. Thực trạng trên chủ yếu do quy định pháp luật hiện hành về trách nhiệm kinh tế cá nhân chưa rõ ràng, thiếu chế tài cụ thể.

Trên đây là một số suy nghĩ ban đầu về “Trách nhiệm kinh tế của cán bộ lãnh đạo” và “Vai trò của Thanh tra Chính phủ” đưa ra trao đổi nhằm thu được những ý kiến hay hoàn thiện giải pháp hướng tới xây dựng xã hội minh bạch, trách nhiệm. ■



Nâng cao vai trò của Kiểm toán Nhà nước trong kiểm toán đánh giá trách nhiệm kinh tế của lãnh đạo doanh nghiệp nhà nước

 NGUYỄN THU GIANG - KTNN chuyên ngành VI

Kiểm toán Nhà nước (KTNN) có vai trò quan trọng trong kiểm tra tài chính của doanh nghiệp nhà nước (DNNN), thông qua hoạt động kiểm toán tài chính, kiểm toán tuân thủ. Vai trò đó ngày càng được nâng cao hơn nữa khi chuyển dần trọng tâm kiểm toán sang kiểm toán hoạt động. Nếu trước đây, KTNN mới chỉ chú trọng vào kiểm toán tài chính và kiểm toán tuân thủ thì bây giờ kiểm toán hoạt động, trong đó có kiểm toán đánh giá trách nhiệm kinh tế của lãnh đạo DNNN đã được thực hiện từng bước và trở thành những nội dung kiểm toán hết sức cần thiết hiện nay.

Một số kết quả đạt được của KTNN trong lĩnh vực kiểm toán DNNN, trong đó có kiểm toán đánh giá trách nhiệm kinh tế của lãnh đạo DNNN

Với tư cách là công cụ chuyên môn trong kiểm tra, kiểm soát các hoạt động tài chính, bảo đảm cho nền tài chính thực sự lành mạnh, KTNN đã chứng tỏ sự cần thiết và vai trò không thể thiếu trong nền kinh tế thị trường mở cửa và hội nhập.

KTNN đã thực hiện kiểm toán, đánh giá, xác nhận tính đúng đắn, hợp pháp, độ tin cậy của các thông tin, số liệu, hoạt động tài chính của các DNNN, góp phần nâng cao chất lượng, độ tin cậy của thông tin tài chính - kế toán của doanh nghiệp.

Số liệu về kết quả kiểm toán đã giúp các cơ quan quản lý nhà nước, lãnh đạo DNNN nắm bắt được thực trạng công tác quản lý và sử dụng vốn của DNNN.

Qua thực tế kiểm toán doanh

nh nghiệp, trên cơ sở các chỉ tiêu kinh tế như kế hoạch SXKD hàng năm, kế hoạch dài hạn của doanh nghiệp; so sánh với các chỉ tiêu thực hiện so với kế hoạch, kỳ này so với kỳ trước, giữa các doanh nghiệp trong từng tập đoàn, tổng công ty... từ đó KTNN đánh giá được mức độ hoàn thành của doanh nghiệp, chỉ ra được trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo, quản lý của DNNN trong việc thực hiện các chức trách nhiệm vụ được giao, cụ thể: sản xuất kinh doanh có hiệu quả hay không? có kinh doanh thua lỗ, gây mất vốn của nhà nước hay bảo toàn và phát triển được vốn của Nhà nước? Đồng thời chỉ ra thực trạng hoạt động của DNNN, những mặt làm được và chưa làm được trong quản lý tài chính của đơn vị; nguyên nhân khách quan, chủ quan ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của cán bộ lãnh đạo DNNN.

Thông qua kiểm toán DNNN,

chúng tôi đã đánh giá được việc tuân thủ các quy định của Nhà nước của cán bộ lãnh đạo doanh nghiệp về quản lý và sử dụng vốn và tài sản nhà nước ở từng mặt cụ thể như: quản lý tiền và các khoản tương đương tiền; quản lý công nợ phải thu, phải trả; quản lý hàng tồn kho, quản lý tiền lương và các khoản theo lương, quản lý tài sản cố định, quản lý nguồn vốn, quản lý các khoản doanh thu, chi phí ...

Ngoài ra, KTNN còn tập trung đánh giá công tác quản lý và sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản; hiệu quả của hoạt động đầu tư tài chính nhất là các khoản đầu tư ngoài ngành như đầu tư vào lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bất động sản; chấp hành trong hoạt động đầu tư xây dựng; việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thực hiện Đề án tái cơ cấu DNNN,...từ đó chỉ ra được trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo doanh nghiệp, kiến nghị



xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan.

Thực hiện kiểm toán DNNN, trong đó kiểm toán đánh giá trách nhiệm kinh tế của cán bộ, lãnh đạo DNNN giúp cơ quan quản lý cán bộ tuyển chọn, sử dụng và đánh giá cán bộ một cách chính xác, đồng thời phục vụ cho công tác giám sát cán bộ.

Tăng cường kiểm toán đánh giá trách nhiệm kinh tế của cán bộ, lãnh đạo DNNN đã góp phần tích cực vào quá trình công khai và minh bạch tài chính doanh nghiệp. Những thông tin về tài chính doanh nghiệp và kết quả kiểm toán được công khai rộng rãi sẽ làm tăng thêm niềm tin của nhân dân vào Chính phủ; đồng thời tạo điều kiện để xã hội và người dân được quyền tham gia giám sát đối với doanh nghiệp và lãnh đạo của các DNNN.

Thông qua kết quả kiểm toán, KTNN kiến nghị với Quốc hội, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các luật và cơ chế, chính sách về quản lý kinh tế, tài chính đối với DNNN cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế của đất nước trong

từng thời kỳ.

Kết quả kiểm toán đã giúp Chính phủ, các bộ, ngành và các cơ quan có căn cứ đánh giá, đúc rút kinh nghiệm trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả, kinh tế và tiết kiệm, góp phần tích cực vào việc nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực quốc gia, sử dụng NSNN.

Những hạn chế đối với hoạt động của KTNN trong kiểm toán đánh giá trách nhiệm kinh tế của lãnh đạo DNNN

- Những năm gần đây, hệ thống các văn bản của Nhà nước trong lĩnh vực DNNN ngày càng được bổ sung và hoàn thiện; nhiều văn bản đã đề cập và quy định đến trách nhiệm của lãnh đạo DNNN. Tuy nhiên, các chỉ tiêu và tiêu chí để đánh giá trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo DNNN còn chưa rõ ràng, đầy đủ; chế tài xử lý còn nhẹ, chưa có sức thuyết phục.

- Luật Kiểm toán nhà nước và các văn bản hướng dẫn còn chưa quy định cụ thể kiểm toán đánh giá trách nhiệm kinh tế của cán bộ

lãnh đạo DNNN; chưa có quy trình và đề cương hướng dẫn kiểm toán đối với kiểm toán đánh giá trách nhiệm kinh tế trong lĩnh vực DNNN, nhất là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước.

- Một số quy định trong công tác quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước của DNNN chưa rõ ràng, còn nhiều kẽ hở; quy định trong công tác đầu tư, mua sắm vật tư hàng hóa, ký kết hợp đồng kinh tế của doanh nghiệp chưa chặt chẽ, dẫn đến lãnh đạo doanh nghiệp lợi dụng để làm lợi cho cá nhân.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng của KTNN đối với kiểm toán hoạt động chưa thực hiện tốt, nội dung đào tạo còn chưa gắn với thực tiễn hoạt động kiểm toán; chưa thu hút được đội ngũ kiểm toán viên giỏi tự nguyện tham gia khóa học, tham gia các lớp bồi dưỡng.

- Tổ chức kiểm toán hoạt động, kiểm toán đánh giá trách nhiệm kinh tế chưa được thực hiện thường xuyên; chưa có tổng kết, rút kinh nghiệm cuộc kiểm toán hoạt động.

- Lực lượng kiểm toán viên thực hiện công tác kiểm toán hoạt động, kiểm toán đánh giá trách nhiệm kinh tế trong lĩnh vực DNNN còn thiếu, trình độ năng lực kiểm toán còn hạn chế, do đó làm giảm hiệu quả hoạt động kiểm toán.

- Trong điều kiện môi trường làm việc kiểm toán còn có nhiều cám dỗ và liên quan mật thiết đến lợi ích của cán bộ lãnh đạo doanh nghiệp, chế độ đãi ngộ với kiểm toán viên còn chưa tương xứng với công việc được giao sẽ ảnh hưởng đến tính trung thực của kiểm toán viên và chất lượng

hoạt động kiểm toán.

Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của KTNN trong kiểm toán đánh giá trách nhiệm kinh tế của lãnh đạo DNNN

- Hệ thống thể chế và các văn bản hướng dẫn trong lĩnh vực DNNN cần quy định chi tiết đảm bảo rõ ràng, minh bạch trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo doanh nghiệp; có đủ các chế tài xử lý các trường hợp cán bộ lãnh đạo DNNN cố tình vi phạm pháp luật.

- Quy định phân công, phân cấp quản lý vốn và tài sản tại các doanh nghiệp giữa các cơ quan quản lý nhà nước cần tách bạch, tránh việc phân công, phân cấp chồng chéo, trùng lặp và không rõ phạm vi, dẫn đến khó xác định trách nhiệm của người đứng đầu khi xảy ra sai phạm.

- Cần cụ thể hóa các quy định

pháp lý về kiểm toán đánh giá trách nhiệm kinh tế của cán bộ lãnh đạo DNNN trong Luật Kiểm toán nhà nước và trong các văn bản hướng dẫn của KTNN.

- Có sự chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo KTNN trong công tác kiểm toán nói chung, trong kiểm toán đánh giá trách nhiệm kinh tế của cán bộ lãnh đạo DNNN nói riêng.

- Xây dựng quy trình kiểm toán, đề cương hướng dẫn kiểm toán đối với kiểm toán đánh giá trách nhiệm kinh tế trong lĩnh vực DNNN, nhất là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước.

- Tăng cường nguồn nhân lực cả về số lượng, chất lượng trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán nhằm đảm bảo đủ khả năng thực hiện các cuộc kiểm toán đánh giá trách nhiệm kinh tế của lãnh

đạo DNNN.

- Có chế độ đãi ngộ xứng đáng đối với lực lượng kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán đánh giá trách nhiệm kinh tế của lãnh đạo DNNN; đồng thời có cơ chế bảo vệ, khuyến khích những người phát hiện các hành vi vi phạm của cán bộ, lãnh đạo DNNN.

- Thường xuyên tổ chức kiểm toán đánh giá trách nhiệm kinh tế theo nhiệm kỳ công tác của lãnh đạo DNNN, tăng cường thực hiện kiểm toán chuyên đề để có đánh giá chính xác, hiệu quả hoạt động của cán bộ lãnh đạo DNNN.

- Đẩy mạnh sự tham quan học tập trao đổi kinh nghiệm; cử cán bộ, kiểm toán viên đi thực tế tại các nước có nhiều năm thực hiện kiểm toán đánh giá trách nhiệm kinh tế của lãnh đạo DNNN.■

Kiểm toán trách nhiệm kinh tế...

(Tiếp theo trang 26)

kỷ luật, giám sát và các tổ chức phát huy những ưu thế vốn có, tăng cường truy cứu trách nhiệm với các cán bộ, viên chức liên quan được kiểm toán; đồng thời nghiên cứu triển khai truy cứu suốt đời trong việc thực thi trách nhiệm với các vấn đề liên quan. Ngoài ra, chúng tôi còn phải thúc đẩy hơn nữa việc công khai kết quả kiểm toán trách nhiệm kinh tế, làm cho quyền lực được thực thi hiệu quả trong khuôn khổ chế độ và pháp luật, dưới sự giám sát của quần chúng nhân dân.

Thứ tư, tập trung tăng cường quy chuẩn chỉ đạo, tích cực hợp tác cùng các ban ngành. Hội nghị liên tịch công tác kiểm toán trách nhiệm kinh tế là cơ chế hỗ trợ rất tốt, nhưng triển khai công tác tại các địa phương lại khác nhau. Hội nghị Liên tịch Trung ương từ nay trở đi sẽ tập trung vào việc tăng cường quy chuẩn chỉ đạo, thông qua việc xây dựng các kênh quản lý thông tin, đốc thúc các bộ ngành kịp thời thông báo thông tin cho nhau, cùng chia sẻ hiệu quả tài nguyên, cùng nghiên cứu vấn đề, thúc đẩy lẫn nhau, tăng cường chặt chẽ hơn nữa sự phối hợp giữa các ban ngành, hình thành cục diện công

tác “thảo luận trao đổi trước kiểm toán, hợp tác hỗ trợ trong kiểm toán, vận dụng sau kiểm toán”, thúc đẩy kiểm toán trách nhiệm kinh tế tiếp tục phát triển lành mạnh.

Kiểm toán trách nhiệm kinh tế ở một mức độ nhất định là đại diện cho xu thế phát triển của kiểm toán quốc tế hiện nay. Mọi người đều biết, tên tiếng Anh của Cơ quan Kiểm toán tối cao Hoa Kỳ viết tắt là GAO, còn có nghĩa là Ủy ban Tổng Kế toán. Năm 2004, Tổ chức này đã đổi tên, tên viết tắt vẫn là GAO, nhưng hàm nghĩa đã đổi thành Ủy ban Trách nhiệm Chính phủ. Đó là sự kiện có tính bước ngoặt, cho thấy giới kiểm toán quốc tế đang có những chuyển biến. Trong việc quản lý đất nước, Nhà nước và nhân dân đã trao trách nhiệm quản lý đất nước cho các tầng lớp cán bộ lãnh đạo quản lý. Trong quá trình kiểm toán, đánh giá trách nhiệm Chính phủ được thực hiện đối với những người lãnh đạo Chính phủ, đó là một sáng kiến của Kiểm toán Quốc gia Trung Quốc, có lợi cho việc phát huy vai trò chịu trách nhiệm kiểm toán và phòng, chống tham nhũng.■

Hoàn thiện phương thức tổ chức kiểm toán nợ công



TS. VŨ THANH HẢI

Phó Kiểm toán trưởng, KTNN khu vực X

Tổ chức kiểm toán nợ công cần được tiến hành thường xuyên để có thể kiểm soát các rủi ro do việc quản lý nợ gây ra. Tuy nhiên, trên thực tế, do nợ công gồm nợ Chính phủ, nợ được Chính phủ bảo lãnh, nợ chính quyền địa phương, mỗi loại nợ này có những đặc thù về quản lý khác nhau, liên quan đến nhiều cơ quan quản lý, đối tượng sử dụng nên để tổ chức kiểm toán thường xuyên nợ công có hiệu quả thì hàng năm phải kiểm toán các báo cáo thường niên về nợ công, kiểm toán chuyên đề, kiểm toán các công trình, dự án về nợ công, cụ thể:

- Hàng năm tổ chức kiểm toán các báo cáo thường niên về quản lý nợ công. Đây là loại hình kiểm toán báo cáo tài chính kết hợp với kiểm toán tuân thủ. Việc kiểm toán này nhằm mục đích cung cấp số liệu và tình hình quản lý cho Chính phủ, Quốc hội nắm được tình hình quản lý nợ công phục vụ cho việc ra các quyết định vay nợ. Việc kiểm toán nợ công hàng năm phải đặt trong mối liên hệ với tài trợ thâm hụt ngân sách hàng năm. Khi tiến hành kiểm toán quyết toán NSNN hàng năm sẽ kiểm toán việc vay nợ Chính phủ để tài trợ thâm hụt ngân sách. Thông qua việc vay bù đắp thâm hụt, và kiểm toán quyết toán NSNN hàng năm, cơ quan Kiểm toán Nhà nước (KTNN) có được thông tin về tình hình tài trợ thâm hụt ngân sách từ đó có những khuyến cáo về vay nợ trong các năm tiếp theo cũng như có biện pháp giảm thâm hụt ngân sách trong tương lai. Trong thời gian tới, KTNN cần tổ chức riêng cuộc kiểm toán nợ công hàng năm, không lồng ghép với cuộc kiểm toán quyết toán NSNN. Việc tổ chức riêng cuộc kiểm toán nợ công hàng năm giúp cho KTNN có điều kiện để tổ chức kiểm toán nợ công đầy đủ về mục tiêu, nội dung, phạm vi kiểm toán; quy mô kiểm toán phù hợp với đội ngũ kiểm toán viên chuyên môn hóa cao và có kinh nghiệm; phù hợp với các thông lệ kiểm toán tốt nhất.

- Tổ chức kiểm toán các chuyên đề (kiểm toán hoạt động) về quản lý nợ công: KTNN có thể

lựa chọn các chuyên đề về quản lý nợ để tiến hành kiểm toán. Việc lựa chọn chuyên đề phải tùy thuộc vào tình hình thực tiễn quản lý trong từng thời kỳ. Chẳng hạn như chuyên đề kiểm toán vay nợ nước ngoài của Chính phủ; chuyên đề kiểm toán vay nợ trong nước; kiểm toán các khoản Chính phủ bảo lãnh; kiểm toán việc kiểm soát rủi ro vay nợ; kiểm toán chi phí vay nợ...

- Tổ chức kiểm toán tình hình quản lý và sử dụng nợ công tại các dự án, công trình cụ thể: Việc kiểm toán các dự án, công trình cụ thể nhằm xác nhận giá trị thực hiện dự án, công trình; đánh giá công tác quản lý điều hành dự án; đánh giá việc thực hiện quy trình quản lý đầu tư, giải ngân, thanh toán vốn; đánh giá tính kinh tế, hiệu quả, hiệu lực của các khoản vốn vay đầu tư cho công trình, dự án cụ thể. Các cuộc kiểm toán này thường áp dụng hỗn hợp cả kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động, tuy nhiên trọng tâm vẫn là kiểm toán xác nhận tính đúng đắn, trung thực, hợp lý của các báo cáo vốn đầu tư thực hiện, báo cáo quyết toán dự án và kiểm toán đánh giá tính tuân thủ pháp luật của các cơ quan quản lý, điều hành dự án.

Kiểm toán nợ công tại từng đơn vị phải có phương thức tổ chức kiểm toán phù hợp

- Đối với việc kiểm toán hàng năm về các báo cáo thường niên về nợ công tập trung tại các cơ quan được Nhà nước giao nhiệm vụ quản lý và hoạch định chính sách nợ công như Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước... với nhiệm vụ chủ yếu là kiểm toán các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ quản lý nợ ở các cơ quan quản lý và hoạch định chính sách về nợ là chính. Việc kiểm toán theo từng món nợ phát hành cụ thể ở từng địa phương, bộ, cơ quan trung ương hay tập đoàn chỉ là những vấn đề mang tính minh họa cho việc quản lý, sử dụng nợ cụ thể. Do vậy phải tổ chức kiểm toán hợp lý bám sát vào chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan được giao



nhiệm vụ quản lý và hoạch định chính sách nợ công để xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp kiểm toán và tổ chức kiểm toán phù hợp.

- Đối với các cuộc kiểm toán chuyên đề, phải bám sát vào mục tiêu của chuyên đề để lựa chọn đơn vị được kiểm toán. Đối với mỗi đơn vị được lựa chọn cần có phương thức tổ chức riêng với mục tiêu, nội dung, phương pháp kiểm toán phù hợp với đặc thù của đơn vị được kiểm toán, cụ thể như:

+ Kiểm toán vay nợ của chính quyền địa phương: Theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước, ngân sách địa phương cấp tỉnh được vay để đầu tư cho các công trình phục vụ phát triển của địa phương và trong kế hoạch kinh tế xã hội đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định. Đây là khoản nợ công cần được kiểm soát vì khoản vay này tác động đến chính sách tài khoá của quốc gia, tác động đến an ninh tài chính quốc gia nên phải được kiểm toán và kiểm soát chặt chẽ. Một số địa phương áp dụng cơ chế tài chính đặc thù (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh...) được phát hành trái phiếu địa phương, trái phiếu công trình địa phương nên cũng cần được kiểm toán và kiểm soát chặt khoản vay nợ này. Ngoài việc kết hợp kiểm toán vay nợ của chính quyền địa phương cùng với kiểm toán quyết toán ngân sách địa phương, KTNN còn kiểm toán hành vi vay nợ ngân sách địa phương khi kiểm toán quyết toán NSNN hàng năm. KTNN cũng có thể thực hiện kiểm toán chuyên đề về quản lý nợ của chính quyền địa phương để đánh giá việc quản lý, sử dụng vay nợ của ngân sách địa phương cũng như tác động của nó đến chiến lược quản lý nợ của Chính phủ, chính sách tài khoá của Chính phủ.

+ Với kiểm toán tại các bộ, cơ quan Trung ương: Mặc dù báo cáo tài chính các bộ, ngành, cơ quan Trung ương không liên quan đến báo cáo nợ Chính phủ, song trong một số trường hợp việc vay nợ phát sinh ở bộ, ngành, cơ quan Trung ương và thông thường các khoản vay này liên quan đến từng dự án cụ thể. Chẳng hạn như việc vay ODA để thực hiện cải cách giáo dục. Mặc dù các món vay này đã được hạch toán, quản lý và kiểm toán (nếu có) tại Bộ Tài chính nhưng khi kiểm toán ở Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng cần chú ý đến việc quản lý các khoản vay này và thông qua đây mới có thể đánh giá hiệu quả của vay nợ Chính phủ cho phát triển giáo dục. Do vậy, kiểm toán vay nợ Chính phủ ở các bộ, cơ quan Trung ương chủ yếu là kiểm toán từng món vay do

Chính phủ phát hành để phục vụ phát triển của ngành đó. Cuộc kiểm toán này có thể thực hiện kết hợp giữa kiểm toán báo cáo nợ Chính phủ tại Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan với việc kiểm toán chuyên đề đối với từng món vay được phát hành. Chẳng hạn như kiểm toán việc phát hành công trái giáo dục. Ngoài việc kiểm toán việc phát hành vay, quản lý, giải ngân khoản công trái giáo dục phát hành qua Kho bạc Nhà nước, KTNN có thể kiểm toán riêng chuyên đề về quản lý, sử dụng công trái giáo dục mà đầu mối là Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Với các tập đoàn kinh tế, các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) có phát hành nợ thông qua nghiệp vụ bảo lãnh của Chính phủ, KTNN có thể thực hiện kiểm toán việc sử dụng các khoản bảo lãnh theo mục đích cũng như hiệu quả vay nợ.

- Đối với kiểm toán các dự án, công trình cụ thể: Tập trung kiểm toán trên cơ sở hồ sơ cụ thể của từng dự án, công trình tại các đơn vị được kiểm toán là các chủ đầu tư (các bộ, ngành, địa phương, các đơn vị được giao chủ trì dự án), các Ban Quản lý dự án và các đơn vị có liên quan như Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước.

- Xác định đối tượng, phạm vi, đơn vị được kiểm toán tùy thuộc vào từng cuộc kiểm toán cụ thể.

- Đối tượng kiểm toán nợ công là toàn bộ hành vi vay, trả và quản lý nợ công, trong đó tập trung vào một số đối tượng chính sau đây:

+ Báo cáo nợ công hàng năm do Chính phủ lập;
+ Việc hoạch định chiến lược vay nợ, chính sách quản lý nợ công;

+ Vay và sử dụng vay nợ của Chính phủ và các thể chế trực thuộc Chính phủ, do Chính phủ bảo lãnh hay chịu trách nhiệm theo mục tiêu đã được xác định trong chiến lược vay nợ và theo quy định của pháp luật: Chính phủ, các bộ, chính quyền địa phương các cấp, các thể chế cung cấp dịch vụ công do Chính phủ, các doanh nghiệp được Chính phủ bảo lãnh vay nợ;

+ Công tác quản lý nợ Chính phủ của các cơ quan chức năng: Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Phạm vi kiểm toán nợ công phải bao hàm được toàn bộ các khoản nợ thuộc nghĩa vụ trực tiếp của Chính phủ, các nghĩa vụ nợ dự phòng và nghĩa vụ nợ theo trách nhiệm đạo đức của Chính phủ. Phạm vi kiểm toán bao gồm:

+ Nợ của Chính phủ.
+ Nợ của Chính quyền địa phương.

+ Nợ của các DNNN vay theo bảo lãnh của Chính phủ hoặc các cơ quan của Chính phủ.

+ Các khoản bảo lãnh và nợ phát sinh, nghĩa vụ nợ dự phòng.

Ngoài ra, việc kiểm toán còn phải chú ý đến các nghiệp vụ quản lý nợ. Đây là hoạt động nhằm đảm bảo cho việc quản lý nợ tuân thủ theo đúng các quy định cũng như chính sách quản lý nợ đã được hoạch định. Phạm vi kiểm toán các nghiệp vụ quản lý nợ bao gồm:

+ Chiến lược và các chế độ quản lý nợ đã được hoạch định;

+ Công tác quản lý, kiểm soát việc vay nợ Chính phủ (hệ thống văn bản quản lý nợ hiện hành);

+ Báo cáo: Việc kiểm toán cần đảm bảo với Chính phủ, Quốc hội rằng liệu cơ quan quản lý nợ thực hiện báo cáo đầy đủ và định kỳ hay không, các khuyến nghị về việc tổng hợp, lập và công bố các báo cáo nợ công. Phạm vi báo cáo nợ công đã bao quát hết nghĩa vụ nợ của Chính phủ hay chưa. Hệ thống báo cáo nợ công ở Việt Nam và hệ thống báo cáo nợ công chuẩn theo WB để kiểm toán, đánh giá và so sánh với chuẩn quốc tế.

+ Hạch toán nợ công và Chuẩn mực kế toán áp dụng: Việc kiểm toán cần đảm bảo rằng cơ quan quản lý nợ đã hạch toán đầy đủ các nghĩa vụ nợ công kể cả các khoản nợ trực tiếp, gián tiếp, các nghĩa vụ nợ được Chính phủ bảo lãnh và nợ của chính quyền địa phương các cấp. Việc hạch toán nợ đã tuân theo các chuẩn mực kế toán về quản lý nợ hay chưa?

- Đơn vị được kiểm toán nợ công: Đơn vị được kiểm toán nợ công theo sự phân công quản lý nợ hiện hành của Chính phủ trước hết phải tập trung ở Bộ Tài chính là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc xác định chiến lược vay nợ, ký kết vay nợ, tổng hợp số nợ vay kể cả các khoản vay và phát hành bảo lãnh do Bộ Tài chính trực tiếp phát hành hay do Ngân hàng Nhà nước phát hành. Các đơn vị được kiểm toán có liên quan sẽ là Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước. Ngoài ra, các địa phương và các tổ chức sử dụng các khoản nợ công cũng là được vị được kiểm toán của cuộc kiểm toán về nợ công.

Áp dụng phương pháp và kỹ thuật kiểm toán

Tuỳ mục tiêu, nội dung của từng cuộc kiểm toán có thể áp dụng phương pháp cũng như kỹ thuật kiểm toán như sau:

- Về kỹ thuật kiểm toán: Kiểm tra, xem xét, đánh giá chứng từ, tài liệu, văn bản trao đổi; phỏng vấn; bảng hỏi; phân tích dữ liệu; so sánh, đối chiếu; thẩm định, tính toán, xác nhận; quan sát trực tiếp, điều tra...

- Về phương pháp kiểm toán nợ công:

(1) Phương pháp kiểm toán cơ bản: Phương pháp này được thực hiện thông qua áp dụng các loại kỹ thuật kiểm toán cơ bản là kiểm tra chi tiết; so sánh, đối chiếu; quan sát; điều tra; thẩm định, xác nhận; tính toán; phân tích để đánh giá tính đúng đắn của các số liệu, tài liệu, hồ sơ do đơn vị cung cấp.

(2) Phương pháp kiểm toán hệ thống kiểm soát: Phương pháp kiểm toán hệ thống kiểm soát được sử dụng để xét đoán hệ thống kiểm soát nội bộ; được tiến hành bằng cách kết hợp giữa 2 loại kỹ thuật kiểm toán: Kiểm tra hệ thống và thử nghiệm chi tiết đối với hệ thống kiểm soát nội bộ. Phương pháp này bao gồm các phép thử nghiệm thẩm định, giám định, quan sát các quy định, tài liệu chứng minh cho các nghiệp vụ; thẩm tra về sự thay đổi các nhân sự chủ chốt có liên quan đến hệ thống kiểm soát nội bộ.

Ngoài ra, trong hoạt động kiểm toán thường sử dụng phương pháp chọn mẫu để xác định đối tượng kiểm toán cụ thể đảm bảo tính khách quan: Việc chọn mẫu trong kiểm toán cho phép tiết kiệm chi phí và thời gian kiểm toán. Mẫu chọn phải đảm bảo đại diện được đầy đủ các tính chất và đặc điểm của tổng thể để có thể rút ra những nhận xét, đánh giá sát thực và phù hợp. Vì vậy, phải lựa chọn phương pháp chọn mẫu và quy mô mẫu thích hợp với từng nội dung công việc cần kiểm toán. Sau khi lựa chọn phương pháp chọn mẫu thích hợp, tiến hành kiểm toán mẫu chọn để thu thập bằng chứng kiểm toán, trên cơ sở đó khái quát tổng thể từ mẫu để đưa ra những kết luận hoặc tiến hành các thủ tục kiểm toán tiếp theo.

Nhân sự, thời gian và các điều kiện vật chất cho cuộc kiểm toán

Việc xác định nhân sự, thời gian và các điều kiện vật chất cụ thể cho từng loại hình kiểm toán và cho từng cuộc kiểm toán là khác nhau, tùy thuộc vào việc xác định mục tiêu, nội dung, phạm vi, giới hạn kiểm toán. Quá trình lập kế hoạch kiểm toán, KTNN cần thu thập làm rõ thông tin về đối tượng kiểm toán để có cơ sở xác định quy mô của cuộc kiểm toán về nhân lực, thời gian và các điều kiện vật chất cho cuộc kiểm toán.

(Xem tiếp trang 37)



QUA KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

Kết quả kiểm toán thu ngân sách nhà nước năm 2013:

Thất thu thuế - Trách nhiệm giải trình?

 **BẮC SƠN**

Thất thu ngân sách, đặc biệt là nợ thuế đang là thách thức lớn đối với nước ta trong nhiều năm qua. Theo số liệu của Bộ Tài chính, thu ngân sách nhà nước năm 2013 đạt 828.348 tỷ đồng, tăng 12.348 tỷ đồng so với dự toán. Tuy nhiên, nếu không tính các khoản ghi thu, ghi chi (140.076 tỷ đồng, tăng 53.275), viện trợ sử dụng theo mục tiêu (11.124 tỷ đồng, tăng 6.124 tỷ đồng), thu khác của ngân sách (18.542 tỷ đồng, tăng 14.565 tỷ đồng) thì ngân sách hụt thu 4.797 tỷ đồng. Bộ trưởng Bộ Tài chính Đinh Tiến Dũng một mặt nhận định, công tác quản lý thu ngân sách có tiến bộ, nhưng cũng thừa nhận rằng: “Vẫn còn tình trạng trốn, lậu thuế ở một số địa bàn”.

5 vấn đề nổi cộm về nợ thuế

Thống nhất với số liệu của Bộ Tài chính, theo báo cáo của Kiểm toán nhà nước (KTNN), năm 2013 thu NSNN đạt 828.348 tỷ đồng, vượt 1,5% dự toán, chủ yếu do tăng thu từ dầu thô (21.436 tỷ đồng) và tăng thu tiền sử dụng đất (6.357 tỷ đồng). Nếu không kể các khoản thu đặc thù, không nằm trong dự toán đầu năm 55.597 tỷ đồng, thu NSNN năm 2013 là 772.751 tỷ đồng, chỉ đạt 94,7% dự toán. Từ kết quả kiểm toán nêu trên, KTNN đã nêu ra 5 vấn đề nổi cộm về thuế trong công tác thu ngân sách năm 2013:

Thứ nhất, tình trạng hạch toán và kê khai thiếu doanh thu, xác định sai chi phí tính thuế, từ đó tính thiếu thuế GTGT và thuế TNDN phải nộp, lợi nhuận còn lại phải nộp NSNN... vẫn diễn ra tại các doanh nghiệp, đơn vị được kiểm toán.

Thứ hai, tình trạng thất thu về thuế, phí, lệ phí và thu khác

NSNN tại các đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương chưa khắc phục được nhiều, không ít đơn vị hạch toán thiếu số thu; hạch toán các khoản chi phí không đúng chế độ, định mức; không kê khai hoặc kê khai không đầy đủ các khoản phải nộp NSNN, chưa nộp chênh lệch thu chi nguồn thu đầu giá quyền sử dụng đất... Qua kết quả kiểm toán báo cáo tài chính của 40 tập đoàn, tổng công ty, 75 DNNN, 198 đơn vị sự nghiệp, hồ sơ kê khai thuế của 1.221 DNNQD tại 35 địa phương, 19 DNNN, 251 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ, cơ quan Trung ương, KTNN đã xác định các khoản phải nộp NSNN tăng thêm 3.284,5 tỷ đồng: tập đoàn, tổng công ty 1.619,8 tỷ đồng; các địa phương 1.505,8 tỷ đồng; các Bộ, cơ quan Trung ương 158,9 tỷ đồng.

Thứ ba, đối với nợ thuế do ngành Thuế quản lý, tổng số nợ thuế tính đến ngày 31/12/2013 là

69.342 tỷ đồng, tăng 26% (14.285 tỷ đồng) so với năm 2012, bằng 12,4% số thu nội địa trừ dầu thô. Nợ thuế có xu hướng tăng qua các năm cả về số tuyệt đối và tỷ trọng so với số thu nội địa trừ dầu thô (Năm 2011, chiếm 8%; năm 2012 là 12%; năm 2013 là 12,4%). Nợ khó thu năm 2013 so với 2012 tăng 67% (4.381 tỷ đồng), trong đó 59/63 địa phương có nợ thuế khó thu tăng so với năm 2012. Tiền thuế nợ đến 90 ngày và trên 90 ngày năm 2013 so với 2012 tăng 33% (12.763,464 tỷ đồng), trong đó 39/63 địa phương có tiền thuế nợ đến 90 ngày và trên 90 ngày tính đến cuối năm 2013 tăng so với năm 2012. Nợ chờ xử lý năm 2013 so với 2012 giảm 31% (2.859,864 tỷ đồng), trong đó 35/63 địa phương có nợ chờ xử lý tính đến cuối năm 2013 giảm so với năm 2012.

Thứ tư, đối với ngành Hải quan, nợ đọng thuế quá hạn đến 31/12/2013 là 9.182 tỷ đồng,

tăng 20,3% (1.549 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2012, bằng 3,96% (tăng 0,09% so với cùng kỳ năm 2012) số thu năm 2013 của ngành Hải quan. Nợ quá hạn về thuế chuyên thu năm 2013 tăng 3,48% (202 tỷ đồng) so với năm 2012 (6.016/5.813,8 tỷ đồng), trong đó nợ khó thu tăng 47,1% (1.222 tỷ đồng), nợ chờ xóa, xét miễn, giảm, được giãn, khoan, gia hạn tăng 67,4% (139 tỷ đồng), nợ có khả năng thu giảm 38,5% (1.159 tỷ đồng); 15/34 Cục Hải quan có nợ đọng thuế chuyên thu tăng so với năm 2012; 18/34 Cục Hải quan có nợ thuế chuyên thu giảm so với năm 2012. Nợ quá hạn về thuế tạm thu năm 2013 tăng 52% (950 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2012, trong đó nợ khó thu tăng 130,6% (628 tỷ đồng), nợ có khả năng thu tăng 24% (322 tỷ đồng), nợ chờ xóa, xét miễn giảm không thay đổi so với cùng kỳ; 15/34 Cục Hải quan có nợ thuế tạm thu quá hạn cuối năm 2013 tăng so với cùng kỳ năm 2012; 8/34 Cục Hải quan có mức nợ thuế tạm thu quá hạn năm 2013 giảm so với cùng kỳ năm 2012.

Thứ năm, về công tác thanh tra, kiểm tra, chống thất thu ngân sách, cơ bản, cơ quan Thuế các địa phương được kiểm toán đã quan tâm tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, chống thất thu ngân sách. Song qua kiểm toán chọn mẫu hồ sơ thanh tra, kiểm tra tại một số cục thuế cho thấy còn hạn chế: Biên bản thanh tra ghi không rõ ràng, đầy đủ theo quy trình (Bạc Liêu, Quảng Ninh, Khánh Hòa); chưa xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế qua kết quả thanh tra, kiểm tra (Trà Vinh,

Bạc Liêu, Quảng Nam); xử lý kết quả thanh, kiểm tra không phù hợp quy định của pháp luật; chưa phân tích doanh thu, đánh giá rủi ro của doanh nghiệp để xác định doanh nghiệp cần kiểm tra theo quy định (Đắk Nông, Bình Thuận).

Nhiều nguyên nhân dẫn đến nợ đọng kéo dài

Theo kết quả kiểm toán thu NSNN năm 2013 của KTNN, thu nội địa từ sản xuất, kinh doanh (không kể thu từ dầu thô và thu về nhà, đất) là 513.090 tỷ đồng, đạt 102,7% dự toán. Nếu không kể các khoản thu đặc thù, không nằm trong dự toán đầu năm 55.597 tỷ đồng, thu NSNN năm 2013 chỉ đạt 94,7% dự toán, trong đó cả nước có 17/63 địa phương không đạt dự toán. Nguyên nhân được xác định là do thực hiện các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ làm giảm thu khoảng 5.176 tỷ đồng; thực hiện các chính sách thuế mới có hiệu lực từ 01/7/2013 làm giảm thu năm 2013 khoảng 2.412 tỷ đồng; kinh tế trong nước tăng trưởng đạt 5,42% so với năm 2012, chưa đạt kế hoạch đề ra (5,5%) và thấp hơn định hướng tăng trưởng của Chính phủ khi xây dựng dự toán (6-6,5%); hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn.

Thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu 129.385 tỷ đồng, chỉ đạt 77,7% dự toán (thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm 2013 là 221.433 tỷ đồng, đạt 93% dự toán, giảm 16.067 tỷ đồng), chủ yếu do:

Một là, chưa dự báo được những biến động của nền kinh tế, dẫn đến dự kiến kim ngạch xuất nhập khẩu chịu thuế và dự toán thu về xuất nhập khẩu chưa sát thực tế. Ước thu 2012 đạt 216.000 tỷ đồng, thực tế đạt 197.480 tỷ đồng, bằng 91,43% dự kiến năm 2012 (giảm 18.520 tỷ đồng); kim ngạch xuất khẩu có thuế đạt 9,37 tỷ USD, giảm 29% dự toán (9,37/13,205 tỷ USD); kim ngạch nhập khẩu có thuế đạt 65,858 tỷ USD, giảm 16,42% dự toán (65,858/78,795 tỷ USD).

Hai là, số quyết toán hoàn thuế GTGT theo chế độ là 104.672 tỷ đồng (phản ánh trên Báo cáo quyết toán NSNN năm 2013 tại chỉ tiêu “Số hoàn thuế GTGT” là 91.482 tỷ đồng và “chi khác” NSTW 13.190 tỷ đồng), tăng so với dự toán 33.672 tỷ đồng, giảm thu cân đối NSNN từ hoạt động xuất nhập khẩu 20.482 tỷ đồng. Theo báo cáo của Bộ Tài chính, số hoàn thuế GTGT vượt so với dự toán chủ yếu do kim ngạch xuất khẩu tăng, từ đó số hoàn thuế GTGT đầu vào đối với hàng hoá sản xuất trong nước để xuất khẩu tăng theo, nhất là các hàng hoá nhập khẩu để gia công thành phẩm xuất khẩu. Vốn ODA cho đầu tư xây dựng cơ bản tăng so với dự kiến nên số thuế hoàn theo chế độ quy định cho hàng hoá là máy móc, thiết bị, vật tư đầu vào của các dự án cũng tăng lên và số nợ Quỹ hoàn thuế GTGT từ năm 2010-2011 quyết toán năm 2013 là 13.190 tỷ đồng. Qua số liệu về hoàn thuế GTGT năm 2013, các địa phương dự kiến hoàn thuế GTGT là 88.775 tỷ đồng, Chính phủ báo cáo Quốc hội dự kiến



kinh phí chi hoàn thuế GTGT là 80.000 tỷ đồng, dự toán pháp lệnh về hoàn thuế GTGT là 71.000 tỷ đồng, số đã hoàn thuế GTGT từ KBNN trong năm 2013 là 91.453 tỷ đồng, số quyết toán 104.672 tỷ đồng.

Theo báo cáo của Tổng cục Thuế, các nhóm nợ tăng 26% so với năm 2012 (14.285 tỷ đồng) do kinh tế Việt Nam và thế giới khó khăn nên nhiều doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ, không có nguồn để nộp thuế; nhiều doanh nghiệp có nguy cơ phá sản, bỏ trốn, không có khả năng thanh toán nợ thuế. Tình trạng chuyển đổi chủ sở hữu của các doanh nghiệp nợ thuế và bỏ trốn ngày càng gia tăng; một số doanh nghiệp vay vốn ngân hàng, làm ăn thua lỗ dẫn đến mất khả năng chi trả. Tình trạng chiếm dụng vốn giữa các doanh nghiệp, nợ xấu của ngân hàng cũng gây khó khăn cho công tác quản lý thu nợ thuế. Một số đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản, xây dựng trong thời gian qua gặp rất nhiều khó khăn do thắt chặt chi tiêu công, thị trường trầm lắng, tỷ lệ giao dịch thấp, không có nguồn để thanh

toán các khoản nợ thuế.

Kết quả kiểm toán tại 35 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho thấy, ngoài các nguyên nhân trên, công tác quản lý nợ đọng thuế tại một số địa phương còn hạn chế, cụ thể: Một số Cục Thuế chưa thực hiện đầy đủ các biện pháp cưỡng chế, chưa kiên quyết cưỡng chế thu nợ theo quy định tại Luật Quản lý thuế, Thông tư số 157/2007/TT-BTC ngày 24/12/2007 của Bộ Tài chính. Nhiều trường hợp cơ quan Thuế thực hiện phân loại nợ thuế không đúng theo hướng dẫn tại Quyết định số 1395/QĐ-TCT ngày 14/10/2011 của Tổng cục Thuế, tổng hợp chưa đầy đủ số liệu nợ thuế. Một số trường hợp, cơ quan Thuế xác định nợ và thông báo nợ thuế chưa đầy đủ, kịp thời.

Đối với Tổng Cục Hải quan, nợ quá hạn về thuế tăng cao do ý thức chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của một số doanh nghiệp còn hạn chế. Chính sách ân hạn thuế áp dụng đối với doanh nghiệp nhập khẩu cho phép các doanh nghiệp được hưởng thời gian ân hạn thuế, dẫn đến một số doanh nghiệp lợi dụng cơ chế chính sách này không chấp hành

nghĩa vụ nộp thuế, chây ỳ, bỏ trốn khỏi địa chỉ kinh doanh, gây khó khăn cho công tác quản lý, đôn đốc thu hồi nợ thuế. Tình hình kinh tế khó khăn dẫn đến doanh nghiệp khó tiếp cận nguồn vốn sản xuất kinh doanh, hàng hóa tồn kho lớn.

Từ thực tế nêu trên, KTNN đã kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương, đơn vị được kiểm toán thực hiện đầy đủ, kịp thời kiến nghị của KTNN về tăng thu 4.669,4 tỷ đồng, trong đó: Tăng thu NSNN 4.497,8 tỷ đồng (thuế nội địa 1.915,7 tỷ đồng; phí, lệ phí 74,2 tỷ đồng; tiền sử dụng đất 204,6 tỷ đồng; thu khác ngân sách 2.303,3 tỷ đồng), tăng thu không thuộc NSNN 171,6 tỷ đồng (các quỹ ngoài ngân sách 2,2 tỷ đồng; bổ sung kinh phí và các quỹ 143,7 tỷ đồng; nộp trả cấp trên 18,2 tỷ đồng; các khoản phải nộp khác 7,5 tỷ đồng). Các khoản nợ đọng phát hiện tăng thêm 3.142,2 tỷ đồng, trong đó: Nợ đọng thuế 92 tỷ đồng, nợ tiền sử dụng đất 2.673,9 tỷ đồng, nợ khác 376,3 tỷ đồng.■

Hoàn thiện phương thức tổ chức kiểm toán nợ công *(Tiếp theo trang 34)*

Trong điều kiện cụ thể của KTNN Việt Nam hiện nay, đối với việc kiểm toán báo cáo về nợ công khi tách ra thành một cuộc kiểm toán riêng thì trong năm kiểm toán đầu tiên nên bố trí từ 15 đến 20 kiểm toán viên có kinh nghiệm với thời gian khoảng 2 tháng, các năm tiếp theo có thể bố trí từ 7 đến 10 kiểm toán viên với thời gian tương tự. Đối với các cuộc kiểm toán hoạt động cần bố trí từ 5 đến 7 kiểm toán viên có kinh nghiệm với thời gian kiểm toán khoảng 3 tháng. Trong trường hợp tổ chức các cuộc kiểm toán chuyên đề có quy mô lớn và kết hợp cả các loại hình kiểm toán như hiện nay

thì số lượng kiểm toán viên tham gia thì số lượng kiểm toán viên tham gia sẽ lớn hơn rất nhiều. Đối với kiểm toán các dự án, công trình cụ thể thì tùy thuộc vào giá trị đầu tư và tính phức tạp đặc thù của từng công trình mà bố trí từ 10 đến 30 kiểm toán viên trong thời gian khoảng 2 tháng.

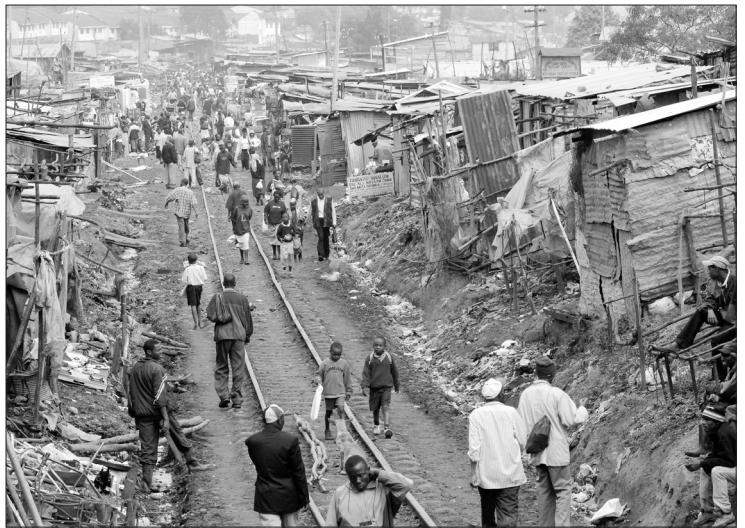
Các điều kiện vật chất phục vụ kiểm toán, ngoài việc bố trí kinh phí cho Đoàn kiểm toán như lương, công tác phí, chi phí phương tiện di chuyển, cần dành một khoản ngân sách cho việc thuê các chuyên gia hoặc trung cầu giám định khi cần thiết trong quá trình kiểm toán.■

Kenya:

Tham nhũng khiến ngân sách thất thoát 16 tỷ USD

 **THANH XUYỀN**

Ngày 29/7 vừa qua, Văn phòng Tổng Kiểm toán nước Cộng hòa Kenya đã công bố báo cáo kiểm toán thường niên cho năm tài chính 2013-2014. Báo cáo dài tới 361 trang nhấn mạnh rằng, khoảng một phần tư trên tổng số 1,6 nghìn tỷ Shilling Kenya (KES), tương đương 16 tỷ USD, ngân sách của Kenya đã không được hạch toán đầy đủ và có dấu hiệu bị chính các quan chức trong Chính phủ lạm chi, biến thủ.



Trước đó, vào ngày 28/7, Tổng Kiểm toán Kenya Edward Ouko đã trình bày báo cáo kiểm toán trước Quốc hội. Ông cho biết, chỉ 1% ngân sách trong năm tài khóa 2013-2014 được sử dụng hiệu quả và được hạch toán đầy đủ, chính xác, còn lại, đa số các khoản chi khác đều có vấn đề và không được hạch toán công khai. Báo cáo tiết lộ thêm, trong năm tài khóa 2014-2015, Chính phủ nước này đã chi 450 tỷ KES (4,43 tỷ USD), đến nay họ vẫn chưa hạch toán công khai các khoản này. Ông Edward Ouko cho rằng: “Các quỹ công của Nhà nước đã bị sử dụng không hiệu quả, bất hợp pháp và bị một số quan chức tha hóa, biến chất chiếm đoạt. Thực trạng này thể hiện một vấn đề vô cùng dai dẳng và đáng lo ngại trong công tác thu chi và hạch toán ngân sách quốc gia”.

Báo cáo kiểm toán trích dẫn các khoản chi tiêu có dấu hiệu bị tham nhũng bao gồm 113 tỷ KES (1,11 tỷ USD) được chi cho các hoạt động liên quan đến các tổ chức quốc tế tại Kenya nhưng chưa rõ chính xác ai là người ký nhận những khoản tiền không lồ đó.

Ông Edward Ouko chỉ trích mạnh mẽ 17 Bộ, ngành đã không thể cung cấp tài liệu chứng minh cho các khoản chi tiêu lên tới 67 tỷ KES, trong đó, nổi cộm là trường hợp của Bộ Y tế. Báo cáo kiểm toán cho biết, Bộ này đã có hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng khi bội chi tới 24 tỷ KES mà không có sự chấp thuận của Quốc hội. Các nhân viên kế toán của Bộ đã không thể giải thích nguồn gốc nhiều khoản chi phát sinh của cơ quan mình.

Báo cáo do đích thân Tổng Kiểm toán Edward Ouko chuẩn bị tiết lộ thêm rằng, Bộ đã ủy quyền bất hợp pháp cho Giám đốc Bệnh viện Mama Lucy chi 99,5 triệu KES, nhưng không hề hạch toán công khai bởi đây là khoản chi trái phép. Báo cáo chỉ rõ: “Hành động này đã vi phạm Luật Quản lý tài chính công của quốc gia, trong đó, nghiêm cấm việc tái phân bổ các quỹ từ một cơ quan Chính phủ sang một tổ chức khác”. Bộ trưởng James Macharia cũng đã duyệt nhiều khoản chi cho các dịch vụ tư vấn “ảo” với lý do để xây dựng 15 cơ sở y tế ở miền Bắc Kenya. Các kiểm toán viên đang tiếp tục điều tra khi ông này đã chi tiêu tới 2,1 tỷ



KES trong năm tài chính 2014-2015.

Điều làm các kiểm toán viên băn khoăn nhất là, mặc dù Bộ đã được Kho bạc Nhà nước duyệt giải ngân nhưng họ vẫn không thể đưa ra bằng chứng nào chứng tỏ với các kiểm toán viên về điều đó. Báo cáo kiểm toán cho biết, nhiều khoản tiền đã được giải ngân từ Kho bạc Nhà nước nhưng hiện chưa rõ đã được chi vào những mục đích gì. Không những thế, rất nhiều số liệu không trùng khớp với các hồ sơ do Kho bạc Nhà nước đang lưu giữ và quản lý.

Ngoài ra, có một khoản trị giá 38 tỷ KES (370 triệu USD) đã được giải ngân cho Bộ Giao thông vận tải và cơ sở hạ tầng nhưng đến nay, Bộ này vẫn chưa giải trình được xem họ đã tiêu số tiền trên vào những việc gì. Phát ngôn viên của Tổng thống Kenya Uhuru Kenyatta cũng như Bộ Giao thông vận tải và cơ sở hạ tầng đã không trả lời bất kỳ yêu cầu bình luận nào sau khi kết quả cuộc kiểm toán được công bố.

Tháng 3 vừa qua, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Kenya Michael Kamau cùng 3 Bộ trưởng khác đã bị đình chỉ công tác sau khi ông này bị buộc tội lạm dụng chức quyền nhằm thu lợi cá nhân từ khi giữ một chức vụ cấp cao trước khi gia nhập nội các. Cùng thời gian trên, một Bộ trưởng khác bị cáo buộc vì đã có những hành vi cản trở cuộc điều tra tình hình tham nhũng của các quan chức nhà nước.

Lực lượng Cảnh sát Kenya cũng nằm trong danh sách các cơ quan có dính líu đến nạn tham nhũng trong cuộc kiểm toán trên, họ đã dành 31 triệu KES cho chi phí thuê văn phòng nhưng trên thực tế, các văn phòng này không hề được sử dụng và đều bị bỏ trống. Tại một số trụ sở cảnh sát, nhiều cán bộ bị buộc tội biển thủ tiền tại ngoại của gia đình các phạm nhân. Ngoài ra, Bộ Nông nghiệp và Bộ Tư pháp cũng đã ký những hóa đơn thanh toán mờ ám với tổng trị giá 17 tỷ KES, Bộ Giáo dục cũng chi nhiều khoản lên tới 14 tỷ KES.

Kenya, xếp thứ 145 trên tổng số 174 quốc gia có chỉ số tham nhũng thường niên cao nhất của Tổ chức Minh bạch Quốc tế, nhiều năm nay, nạn tham nhũng tràn lan đã và đang kìm hãm mọi khía cạnh đời sống, kinh tế của đất nước này. Các nhà bình luận cho rằng, báo cáo của Tổng Kiểm toán Edward Ouko đã phơi bày rõ ràng mức độ nghiêm trọng của nạn tham nhũng đang hoành hành tại

Kenya, nền kinh tế lớn nhất Đông Phi. Đây chính là rào cản lớn nhất đối với các DN nước ngoài khi muốn đầu tư, kinh doanh tại quốc gia này, khiến nền kinh tế của Kenya không thể tăng trưởng, phát triển nhanh hơn.

Năm 2013 khi mới nhậm chức, Tổng thống Kenya từng tuyên bố rằng, chiến đấu chống lại nạn tham nhũng là một ưu tiên hàng đầu trong kế hoạch điều hành đất nước của ông. Tuy nhiên, các nhà phê bình phản nài rằng, cho đến nay, ông vẫn chưa làm được gì nhiều để chứng minh điều mình nói. Tháng 3 vừa qua, ông Kenyatta đã có bài phát biểu và quả quyết rằng, cá nhân ông sẽ chịu trách nhiệm với cuộc chiến đấu chống tham nhũng của đất nước và bất cứ quan chức nhà nước nào bị cáo buộc có dính líu đến các vụ tham nhũng sẽ bị điều tra đến cùng. Chính phủ Kenya cũng đã từng đưa ra nhiều lời cam kết sẽ quyết tâm chiến đấu chống lại nạn tham nhũng nhưng họ mới chỉ dừng lại ở những lời nói suông.

Từ đầu năm 2015 tại thủ đô Nairobi, nhiều người dân Kenya đã tổ chức biểu tình chống lại nạn tham nhũng trong bộ máy Chính phủ sau khi sân chơi của một số trường học được cho là đã bị một quan chức có thẩm quyền yêu cầu phá bỏ để đạt được một số mục đích cá nhân. Tuy nhiên, những cuộc biểu tình này cũng không thể thay đổi được nạn tham nhũng đã quá ăn sâu tại đất nước mà người ta coi việc được làm trong các cơ quan nhà nước là cách nhanh nhất để làm giàu. Sau khi công bố kết quả kiểm toán đáng lo ngại trên, Tổng Kiểm toán Kenya đã có bài phát biểu và kêu gọi Kenya đã đến lúc cần tập trung mọi quyết tâm chiến đấu chống lại nạn tham nhũng trước khi quá muộn. Ông cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của công tác kiểm toán trong việc phát hiện những trường hợp tham nhũng nghiêm trọng cần xử phạt thật nghiêm minh.

Trong chuyến thăm của Tổng thống Mỹ Barack Obama tới thủ đô Nairobi để tham dự một hội nghị thượng đỉnh kinh doanh quốc tế, ông cũng đã có bài phát biểu và hối thúc Kenya cần nỗ lực hết mình để giải quyết nạn tham nhũng, nguyên nhân kìm hãm sự tăng trưởng kinh tế của đất nước. Báo cáo kiểm toán này được công bố ngay sau khi ông Obama kêu gọi nước này phải nỗ lực nhiều hơn nữa để ngăn chặn nạn tham nhũng, giúp nền kinh tế phát triển nhanh hơn. ■

VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

Giao mùa

Tháng tám vẫn còn nắng gắt
Đã nghe trời chuyển sang mùa
Lá rụng phố hè se lạnh
Sương giăng huyền ảo mặt hồ

Bằng lăng thôi không tím nữa
Hàng cây lặng vắng tiếng ve
Xa xôi màu hoa phượng vĩ
Con mưa bất chợt đêm hè

Trái sầu giòn chua thuở nhỏ
Trốn tìm sau tán lá xanh
Một mai mùa về gió trở
Tìm đâu trái chín đầu cành

Man mác chiều đi bịn rịn
Ai người về lại phố xưa
Thoảng thơm mùi hương cốm mới
Lạ, quen khoảnh khắc giao mùa...

Phạm Ngọc Dung

Niệm khúc

À ơi, ru trái tim đau
Nỗi buồn đã lặng phía sau lưng đời
Và con mơ lạ đã trôi
Theo dòng nước cũ về nơi xa mù...

Em như chiếc lá cuối thu
Nửa vàng, nửa đỏ ngân ngừ quên bay
Chất trong giọt nắng chiều nay
Lung linh một tứ thơ say cuộc đời!

Niềm tin vẫn hát à ơi
Lòng nhân vẫn sáng, màu trời vẫn xanh
Còn tình yêu ấy và anh
Đầu cho trăm thác ngàn ghềnh cũng qua

Phạm Hoàng Lan

Lời ru nắng - gió

Ài cho con gió mùa thu
Từ trong mưa mẹ vẫn ru mỗi chiều
Ài cho con nắng thương yêu
Câu ca lục bát, cánh diều ước mơ.

Mẹ sinh con từ bao giờ
Câu à ơi xóa mây mờ... trời xanh
Con nghe ngọn gió mát lành
Ấm sao lòng mẹ đã dành cho con
Con nghe cái nắng dịu hơn
Trong trái chín có hương thơm ngọt lời.

Tháng năm con lớn lên rồi
Gió ru mẹ, nắng bờ bờ bãi sông
Cánh cò bay lả mênh mông
Mà con vẫn hát xanh đồng... mẹ ơi!

Phạm Như Đức

